BỘ CÔNG THƯƠNG

Hợp tác Đức
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



Sổ tay hướng dẫn phát triển Dự án năng lượng sinh khối

Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật cho Tổng cục Năng lượng
Bộ Công Thương

Bản quyền thuộc về:
MOIT/GIZ Dự án Năng lượng tái tạo và Hiệu quả năng lượng

Dẫn nguồn:
MOIT/GIZ Hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối Việt Nam

Tác giả:
Vũ Ngọc Đức, Nguyễn Đức Cường, Lê Văn Hùng - Viện Năng lượng Việt Nam – Bộ Công thương
Tiến sĩ Matthias Eichelbrönner, Công ty tư vấn E.Quadrat – CHLB Đức

Hiệu đính:
Nguyễn Tường Khanh, Nguyễn Anh Tú, Sonia Lioret –
Dự án Năng lượng tái tạo và Hiệu quả năng lượng MOIT/GIZ

Biên soạn xong:
Tháng 2, 2017

Hình ảnh:

Chương trình Hỗ trợ Năng lượng GIZ

Liên hệ:
Chương trình Hỗ trợ Năng lượng GIZ
Dự án Năng lượng tái tạo và Hiệu quả năng lượng (4E)

giz Deutsche Gesellschaft für
Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH
Phòng P042A, Tòa nhà Coco,
Thụy Khuê, Quận Tây Hồ
Hà Nội, Việt Nam

T +84 4 3941 2605
F +84 4 3 941 2606
E khanh.nguyen1@giz.de

Lời nói đầu của Tổng cục Năng lượng/ Bộ Công Thương

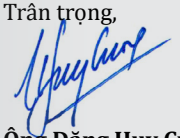
Với nỗ lực giải quyết các thách thức về nhu cầu năng lượng ngày càng tăng, về an ninh năng lượng và biến đổi khí hậu, Chính phủ Việt nam đã đặt ra những mục tiêu tham vọng nhằm tăng cường phát triển Năng lượng tái tạo, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch thông qua Chiến lược phát triển Năng lượng tái tạo được phê duyệt vào cuối năm 2015 và Tổng sơ đồ Quy hoạch Điện VII sửa đổi ban hành đầu năm 2016.

Theo Tổng sơ đồ Quy hoạch điện VII sửa đổi, để đảm bảo tăng trưởng kinh tế của quốc gia thì tổng sản lượng điện sản xuất năm 2020 phải đạt gần 265 GWh và 632 GWh cho năm 2030 trong đó điện sản xuất từ năng lượng tái tạo (không kể nguồn thuỷ điện lớn và vừa và thuỷ điện tích năng) đóng góp 7% tổng sản lượng điện sản xuất năm 2020 và 10% năm 2030.

Việt Nam có tiềm năng khá về năng lượng tái tạo. Ước tính tiềm năng lý thuyết về năng lượng tái tạo của Việt Nam cho thủy điện nhỏ là hơn 7.000MW, gió là 8.000MW, sinh khối là 2.000MW, mặt trời là 4-5kWh/m2, năng lượng từ chất thải rắn đô thị là 300MW, khí sinh học là 100MW và địa nhiệt là 400MW. Nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển năng lượng tái tạo, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều cơ chế khuyến khích sử dụng và khai thác năng lượng tái tạo cho sản xuất năng lượng và những chính sách này đã mở đường cho sự phát triển của năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Các chính sách này bao gồm: Thông tư 32/2014/TT-BCT về Biểu giá chi phí tránh được cho các nhà máy thuỷ điện nhỏ, Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg về cơ chế FIT cho các Dự án Điện gió, Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg về cơ chế FIT cho các Dự án đồng phát nhiệt điện từ sinh khối và Chi phí tránh được cho các Dự án chỉ phát điện từ sinh khối, Quyết định số 31/2014/QD-TTg về cơ chế FIT cho các Dự án phát điện từ chất thải đô thị rắn là minh chứng cho những nỗ lực này của Chính phủ Việt Nam.

Để có thể hỗ trợ các Chủ đầu tư Dự án Năng lượng sinh khối dễ dàng tìm kiếm thông tin về quy trình đầu tư cấp phép liên quan đến phát triển xây dựng Dự án năng lượng sinh khối tại Việt Nam, **Tổng cục Năng lượng – Bộ Công Thương** hân hạnh giới thiệu tài liệu tham khảo **"Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối"**. Cuốn sổ tay này được Dự án Năng lượng tái tạo và Hiệu quả năng lượng thuộc Chương trình Hỗ trợ Năng lượng GIZ tại Việt Nam hỗ trợ thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu các rủi ro và rào cản đầu tư thông qua việc cung cấp các thông tin rõ ràng và hệ thống về các quy trình thủ tục hành chính phát triển Dự án sản xuất năng lượng từ sinh khối nối lưới. Hy vọng rằng, cuốn sổ tay sẽ đóng góp vào việc xây dựng thị trường năng lượng tái tạo cho một tương lai xanh hơn và tốt đẹp hơn của Việt Nam.

Trân trọng,



Ông Đặng Huy Cường
Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng
Bộ Công Thương



Lời nói đầu của GIZ

Trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực khuyến khích sử dụng tiềm năng to lớn của năng lượng tái tạo cho sản xuất năng lượng và chuẩn bị cho đất nước đối mặt với những thách thức về năng lượng trong tương lai. Rất nhiều các chính sách và văn bản pháp quy như Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo quy định mục tiêu phát triển cho từng dạng công nghệ, cơ chế hỗ trợ FIT và chi phí tránh được khi bán điện lên lưới và các cơ chế khuyến khích phi giá cả khác như miễn giảm thuế, miễn phí sử dụng đất, hỗ trợ vay vốn ưu đãi... đã được ban hành và tạo nền tảng cho khối tư nhân tham gia đầu tư mạnh mẽ hơn vào ngành năng lượng tái tạo.

Là quốc gia tiên phong trong khai thác ứng dụng năng lượng tái tạo, Chính phủ Đức đã đặt mục tiêu rất tham vọng cho việc sản xuất năng lượng từ tất cả các nguồn năng lượng tái tạo tiềm năng của quốc gia và tăng cường mối quan hệ hợp tác phát triển với các quốc gia đối tác trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu trong đó năng lượng đóng một vai trò chủ chốt. Tại Việt Nam, thay mặt cho Chính phủ Đức, Cơ quan Hợp tác phát triển Đức GIZ đã hợp tác cùng Tổng Cục Năng lượng/ Bộ Công Thương từ năm 2008 thông qua Chương trình Hỗ trợ Năng lượng (ESP) xây dựng phát triển thị trường năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng.

Trân trọng,

Ông Ingmar Stelter
Giám đốc Chương trình
Chương trình Hỗ trợ Năng lượng MOIT/GIZ

Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối do Dự án Năng lượng tái tạo và Hiệu quả năng lượng thuộc Chương trình GIZ ESP phối hợp cùng Bộ Công thương xây dựng. Cuốn Sổ tay này nhằm thúc đẩy đầu tư từ khối tư nhân vào thị trường năng lượng tái tạo của quốc gia thông qua việc cung cấp những thông tin liên quan đến quy trình cấp phép và các thủ tục hành chính có liên quan trong việc phát triển và xây dựng Dự án năng lượng sinh khối nối lưới.

Cuốn Sổ tay minh họa chi tiết các bước đầu tư trong tất cả các giai đoạn phát triển dự án từ giai đoạn chuẩn bị, phát triển, vận hành bảo dưỡng và tháo dỡ. Cuốn sổ tay được xây dựng thông qua việc ứng dụng các phương pháp khác nhau trong việc thu thập, tổng hợp, kiểm chứng thông tin dữ liệu như nghiên cứu tại văn phòng, phỏng vấn các bên có liên quan, phỏng vấn chuyên gia, hội thảo tham vấn và là sự kết hợp giữa các thông tin về điều kiện khung chính sách với các kinh nghiệm thực tiễn trong việc triển khai phát triển dự án.

GIZ tin rằng Cuốn Sổ tay sẽ giúp hỗ trợ phát triển thị trường năng lượng tái tạo của Việt Nam một cách hiệu quả, đóng góp vào mục tiêu chống biến đổi khí hậu của quốc gia.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Mặc dù nhóm tác giả đã cố gắng cung cấp thông tin pháp lý chính xác ở mức tối đa, tuy nhiên đối với cuốn Sổ tay này, nhóm tác giả cũng như người xuất bản sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về nội dung của thông tin. Sổ tay này sẽ chỉ phục vụ mục đích cung cấp thông tin liên quan đến quá trình phát triển dự án năng lượng sinh khối. Bên cạnh đó, người sử dụng cần phải hiểu rằng các quy định, luật pháp và thủ tục có thể thay đổi và hơn thế nữa, chúng có thể được áp dụng theo những cách khác nhau.

Người sử dụng **Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối** được khuyến nghị không nên dựa vào thông tin trong Sổ tay hướng dẫn này như một nguồn thay thế các hướng dẫn pháp lý, kỹ thuật, tài chính, thuế và/hoặc kế toán khác.

Chính vì vậy, nhóm tác giả và người xuất bản sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất kinh doanh nào, bao gồm: tổn thất hoặc thiệt hại liên quan đến lợi nhuận, thu nhập, doanh thu, sản lượng, khoản tiết kiệm dự kiến, hợp đồng, cơ hội thương mại hoặc uy tín.

Chương trình Hỗ trợ Năng lượng GIZ rất mong nhận được chia sẻ từ Quý vị, những người sử dụng Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối nếu nhận thấy bất kỳ thay đổi về khung pháp lý và quy định cũng như cách hiểu và áp dụng khác. Chúng tôi trân trọng cảm ơn những phản hồi liên quan đến tính hữu ích của tài liệu này để từ đó có thể tiếp tục cập nhật trong tương lai.

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU CỦA TỔNG CỤC NĂNG LƯỢNG/BỘ CÔNG THƯƠNG 5

LỜI NÓI ĐẦU CỦA GIZ 7

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM 9

MỤC LỤC 10

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT 12

1. GIỚI THIỆU 14

1.1 Tổng quan về Việt Nam 14

1.2 Tổng quan về ngành điện 15

1.3 Tổng quan về Năng lượng sinh khối 16

2. GIỚI THIỆU VỀ SỔ TAY HƯỚNG DẪN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI 18

2.1 Mục tiêu 19

2.2 Phạm vi 21

2.3 Cách sử dụng 21

3. TỔNG QUAN VỀ QUY TRÌNH PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI 22

3.1 Giai đoạn phát triển dự án 23

3.2 Giai đoạn thực hiện dự án 23

3.3 Giai đoạn vận hành và bảo dưỡng dự án 24

3.4 Giai đoạn kết thúc dự án và tháo dỡ 24

4. CHI TIẾT GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI 26

4.1 Giai đoạn A: Phát triển dự án 26

4.2 Giai đoạn B: Thực hiện dự án 96

4.3 Giai đoạn C: Vận hành và bảo dưỡng dự án 122

4.4 Giai đoạn D: Kết thúc dự án 130

5. PHỤ LỤC 134

5.1 Biểu mẫu 134

5.2 Danh sách các Văn bản pháp luật liên quan 146

5.3 Danh sách liên hệ 148



Danh mục những từ viết tắt

A0	Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia
Bộ CT/ BCT	Bộ Công Thương
Bộ KH&ĐT/BKH&ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ TC/ BTC	Bộ Tài chính
Bộ TN&MT/ BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Cục ĐTĐL	Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam
CT	Thiết bị biến đổi dòng điện
VT	Thiết bị biến đổi điện áp
EPTC	Công ty Mua Bán điện của EVN
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
FIT	Giá bán điện
GIZ	Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức
HĐMBĐ	Hợp đồng Mua Bán điện
BCC	Hợp đồng hợp tác kinh doanh
KfW	Ngân hàng Tái thiết Đức
NCKT	Nghiên cứu khả thi
NCTKT	Nghiên cứu tiền khả thi
NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
NLTT	Năng lượng tái tạo
NPT	Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
PC	Tổng Công ty Điện lực/Công ty điện lực tỉnh
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QH	Quốc hội
QHPTĐL	Quy hoạch phát triển Điện lực
QHPTSK	Quy hoạch phát triển và sử dụng năng lượng sinh khối
SCADA/DMS	Hệ thống điều khiển giám sát và thu nhập dữ liệu/quản lý lưới phân phối
SCADA/EMS	Hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu/quản lý hệ thống điện



Sở CT	Sở Công Thương
Sở KH&ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Sở TN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
Sở XD	Sở Xây dựng
TCNL	Tổng cục Năng lượng
TKBVTC	Thiết kế bản vẽ thi công
TKCS	Thiết kế cơ sở
TKKT	Thiết kế kĩ thuật
UBND	Uỷ ban Nhân dân
USD	Đô-la Mỹ
VAT	Thuế GTGT
VND	Việt Nam Đồng

Các đơn vị:

TWh	Tera Watt giờ, 1TWh = 1,000 GWh
GW	Giga Watt
GWh	Giga Watt-giờ
MW	Megawatt
MWh	Megawatt-giờ
MVA	Mega Volt Ampere
kW	Kilowatt
kWh	Kilowatt-giờ
km	Ki-lô-mét
kV	Ki-lô-vôn
m	Mét
s	Giây

1. Giới thiệu

1.1 TỔNG QUAN VỀ VIỆT NAM

Việt Nam là quốc gia thành viên có tổng dân số lớn thứ ba trong các nước ASEAN. Kể từ cuối năm 1980, nền kinh tế của Việt Nam đã và đang trải qua một cuộc cải cách - hiện đại hóa và hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Đa số người Việt Nam hiện đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chiếm 16,99% GDP của cả nước. Lĩnh vực quan trọng nhất là ngành công nghiệp và chế tạo, đóng góp khoảng 46,69% vào GDP. (1)

Dân số (2016)
93.421.835 người
GDP danh nghĩa (2016)
USD 200,493 tỉ
GDP danh nghĩa bình quân đầu người (2016)
USD 2.164
Thủ đô
Hà Nội
Tiền tệ
Việt Nam Đồng (VND) *(tỉ giá chuyển đổi: USD 1 = VND 21.246 – vào ngày 02/08/2016, Văn bản số 228/TB-KBNN từ Ngân hàng Nhà nước)*

1.2 TỔNG QUAN NGÀNH ĐIỆN

Nhu cầu điện tại Việt Nam vẫn đang tiếp tục tăng lên trong những năm vừa qua để đáp ứng tăng trưởng kinh tế và dân số. Trong mười năm qua, tốc độ tăng trưởng điện năng trung bình hàng năm là 14%. Công suất điện năng lắp đặt được ước tính sẽ còn tăng cao hơn ba lần trong vòng 15 năm tới.

Theo Tổng sơ đồ quy hoạch điện VII sửa đổi cho giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn tới 2030 được ban hành bởi Chính phủ Việt Nam vào tháng 03/2016 qua Quyết định số 428/QĐ-TTg, sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu ước tính đạt 265 - 278 TWh/năm cho đến năm 2020, 400 - 431 TWh/năm vào năm 2025, và xấp xỉ 572 - 632 TWh/năm vào năm 2030.

Cho đến cuối năm 2016, tổng công suất điện lắp đặt tại Việt Nam (bao gồm cả nhập khẩu) đạt 42.762 MW trong đó thủy điện chiếm 42,2%, nhiệt điện than chiếm 34,2%, tuốc bin khí chiếm 17,5%, và phần còn lại được đóng góp bởi nhiệt điện dầu và năng lượng tái tạo.

Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng là nhóm tiêu thụ điện lớn nhất (chiếm 53,6% cơ cấu điện tiêu thụ 2016, tương đương với 85,484 GWh/năm). Lĩnh vực quản lý và tiêu dùng dân cư là nhóm tiêu thụ điện đứng thứ hai (chiếm 34,4% cơ cấu điện tiêu thụ, tương đương với 54,886 GWh/năm). Phần còn lại trong cơ cấu tiêu thụ (12%) đến từ ngành dịch vụ và khách sạn, nông nghiệp và các ngành khác (lần lượt tương đương với 8,733 GWh/năm; 3,619 GWh/năm và 6,735 GWh/năm). (2)

(1) http://data.worldbank.org/

(2) EVNNLDC, 2017

Giá bán điện bình quân liên tục tăng lên trong những năm vừa qua ở mức trung bình là 1.354,74 VND/kWh và đạt mức 1.622,01 VND/kWh vào năm 2015 (con số này chưa bao gồm VAT, tương đương với 7,27 US cents/kWh).

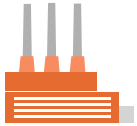
Thị trường điện hiện nay vẫn ở thế độc quyền, bị chi phối bởi doanh nghiệp nhà nước EVN và do Bộ Công Thương quản lý giám sát. EVN hiện vẫn là đơn vị mua điện duy nhất; Hệ thống truyền tải điện và phân phối điện được điều hành bởi các công ty chi nhánh của EVN.

Để nâng cao hiệu quả kinh tế của các nguồn cung cấp điện năng cũng như nhu cầu trong nước, Chính phủ đã đặt mục tiêu xây dựng một thị trường điện cạnh tranh. Thị trường này dự kiến sẽ trải qua ba giai đoạn:

- **Thị trường phát điện cạnh tranh (2005 - 2014)** - nhà máy điện thuộc sở hữu tư nhân có thể bán điện cho EVN (Đơn vị mua điện độc quyền)

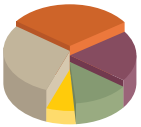
- **Thị trường bán buôn cạnh tranh (2015 - 2022)** - công ty bán buôn có thể cạnh tranh trong việc mua điện trước khi bán lại cho các nhà phân phối năng lượng

- **Thị trường bán lẻ cạnh tranh (từ 2022)** - người tiêu dùng có thể tự do lựa chọn nhà cung cấp điện cho mình.



Phát điện và nhập khẩu

182,9 GWh



Công suất lắp đặt (bao gồm NK)

41.762 MW



Truyền tải

7.346 km (500 kV)
16.589 km (220 kV)
18.511 km (110 kV)



Biến áp

26.100 MVA (500 kV)
45.540 MVA (220 kV)
49.556 MVA (110 kV)



Tiêu dùng

159,466 GWh



1.3 TỔNG QUAN NGÀNH NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI

Chính phủ Việt Nam ưu tiên việc sử dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất năng lượng. Tổng Sơ đồ Quy hoạch điện VII sửa đổi ước tính thị phần của năng lượng tái tạo trong tổng thị phần điện năng sản xuất là 7% trong năm 2020 và 10% vào năm 2030 (không kể nguồn thủy điện lớn và vừa ,thủy điện tích năng). Các cơ chế hỗ trợ và ưu đãi khác nhau cho năng lượng tái tạo đã được Chính phủ thông qua để tăng cường đầu tư vào lĩnh vực này.

Đối với năng lượng sinh khối, là một nước nông nghiệp đang phát triển, Việt Nam có tiềm năng sinh khối khá lớn có thể được khai thác để sản xuất năng lượng, đặc biệt là điện.

Các nguồn sinh khối có sẵn tại Việt Nam bao gồm phụ phẩm của nông - lâm nghiệp sau khi thu hoạch và sau xử lý như rơm, rạ, trấu, bã mía, vỏ cà phê, xơ dừa, gỗ/phụ phẩm của gỗ và các sản phẩm phụ của nông/công nghiệp khác.

Theo kết quả nghiên cứu gần đây, tổng lượng chất thải nông nghiệp trong năm 2014 ước đạt 78,75 triệu tấn (44,97 triệu tấn rơm, 8,99 triệu tấn trấu, 5,96 triệu tấn bã mía và 18,83 triệu tấn các loại phụ phẩm nông nghiệp khác). Đối với gỗ năng lượng, tổng sản lượng đạt xấp xỉ lần lượt 7,05, 7,45, 9,01 và 3,71 triệu tấn từ rừng tự nhiên, rừng trồng, cây phân tán và cây trồng khác tương ứng. Ngoài ra, các phụ phẩm gỗ từ các nhà máy chế biến gỗ (xưởng cưa và sản xuất đồ nội thất) ước tính đạt 5,35 triệu tấn, trong đó 4,46 và 0,89 triệu tấn tương ứng là phụ phẩm gỗ và mùn cưa. *(3)*

Mục tiêu phát triển cho thị phần năng lượng sinh khối được ghi nhận trong Tổng sơ đồ điện VII sửa đổi là 1% vào năm 2020 và 2,1% vào năm 2030.

• **Tiềm năng sinh khối:**



Trấu

Tiềm năng lý thuyết
8,99 triệu tấn



Rơm

Tiềm năng lý thuyết
44,97 Triệu tấn



Bã mía

Tiềm năng lý thuyết
5,96 Triệu tấn



Gỗ Năng lượng

Tiềm năng lý thuyết
27,22 Triệu tấn

Về mặt cơ chế hỗ trợ cho sinh khối, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg về giá mua điện 5,8 US cents/kWh đối với các dự án đồng phát nhiệt điện và biểu giá chi phí tránh được cho dự án điện sinh khối chỉ phát điện được Bộ Công thương công bố hàng năm. Mức giá chi phí tránh được này cho năm 2016 là khoảng 7,4 US cent/kWh.

Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã có những nỗ lực đáng ghi nhận như trên nhưng thị trường năng lượng sinh khối tại Việt Nam còn phát triển rất hạn chế. Cho đến nay tại Việt Nam, chưa có một nhà máy sinh khối chỉ phát điện nối lưới độc lập được xây dựng. Hiện đã có khoảng 368,8 MW [(4)] công suất lắp đặt từ nhà máy đồng phát nhiệt điện sử dụng bã mía (nhà máy đường), dung dịch đen (sản xuất giấy và bột giấy) đang hoạt động và bán lượng điện thừa lên lưới điện.

(3) & (4) Dự thảo Quy hoạch sinh khối quốc gia, MoIT/GIZ, 2017

BIỂU GIÁ BÁN ĐIỆN CHO CÁC NHÀ MÁY NĂNG LƯỢNG SK

Giá bán điện cho các nhà máy điện sinh khối đồng phát: 1.220 VND/kWH (không bao gồm VAT, tương đương với 5,8 cent/kWh). Giá bán điện sẽ được điều chỉnh theo biến động tỉ giá hối đoái. Thời hạn của giá bán điện bằng với thời hạn của HĐMBĐ là 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại.

Giá bán điện cho nhà máy sinh khối chỉ phát điện: áp dụng biểu giá Chi phí tránh được do Bộ Công thương công bố hàng năm và dựa trên chi phí tránh được của nhà máy than sử dụng than nhập khẩu

Giới thiệu về Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối

Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối tại Việt Nam được Dự án Năng lượng tái tạo và Hiệu quả Năng lượng thuộc Chương trình hỗ trợ năng lượng GIZ xây dựng. Sổ tay hướng dẫn này được phát triển trên cơ sở hợp tác giữa các tư vấn trong nước và quốc tế, trong đó, tư vấn trong nước chịu trách nhiệm thực hiện nghiên cứu sâu, phỏng vấn các bên liên quan, đánh giá chuyên gia và phác thảo báo cáo trong khi tư vấn quốc tế xem xét và đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng nội dung và đảm bảo báo cáo dễ hiểu cho người đọc.

Phiên bản đầu tiên của cuốn Sổ tay này được các chuyên gia tư vấn trong nước đến từ Công ty NIRAS RCEE với sự hỗ trợ của liên danh tư vấn quốc tế là E.Clareon và E.Quadrat xây dựng. Tuy nhiên, sau khi hoàn thành phiên bản đầu tiên này, Chính phủ đã cho ban hành rất nhiều quy định pháp luật mới, làm thay đổi các thủ tục đầu tư của dự án sinh khối nối lưới.

Do nhu cầu cần phải phản ánh đầy đủ những thay đổi pháp lý này, Viện Năng lượng đã được lựa chọn để cập nhật và sửa đổi phiên bản đầu tiên. Trong khi đó, E.Quadrat, với tư cách tư vấn nước ngoài, đã xem xét và góp ý cho bản báo cáo cuối cùng.





2.1 MỤC TIÊU

Khi đưa ra quyết định đầu tư vào lĩnh vực năng lượng sinh khối tại Việt Nam, theo các yêu cầu pháp lý hiện hành, Chủ đầu tư sẽ phải liên hệ với các tổ chức chính quyền các cấp khác nhau để xin cấp nhiều loại giấy phép và đăng ký . Hiện nay do các quy định pháp lý liên quan đến quy trình cấp phép các Dự án đầu tư sinh khối nằm rải rác ở các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau gây khó khăn cho nhà đầu tư gặp trong viêc tìm kiếm, tham chiếu và tổng hợp thông tin. Nếu quy trình cấp phép của tất cả những giấy phép và đăng ký này có thể được tổng hợp rõ ràng và hệ thống thì Chủ đầu tư sẽ cảm thấy tự tin hơn khi tham gia đầu tư và phát triển Dự án.

Do đó, Sổ tay hướng dẫn này được thiết kế với cấu trúc thân thiện, dễ hiểu và sẽ được cập nhật thường xuyên nhằm:

- Mô tả các thủ tục hành chính mà Chủ đầu tư dự án cần thực hiện cho một chu kỳ phát triển dự án năng lượng sinh khối lý tưởng tại Việt nam.
- Liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật cần thiết có liên quan, hồ sơ phải nộp, cơ quan chính quyền liên quan để liên hệ, thủ tục áp dụng để hoàn thành từng bước và giấy phép/đăng ký cần đạt được của mỗi bước.
- Cung cấp những kinh nghiệm thực tiễn giúp rút ngắn và đơn giản hóa toàn bộ quá trình đầu tư bên cạnh những thông tin lý thuyết.



2.2 PHẠM VI

Sổ tay hướng dẫn này mô tả toàn bộ quá trình phát triển dự án năng lượng sinh khối tại Việt Nam sử dụng các phụ phẩm sinh khối từ nông nghiệp và công nghiệp chế biến, gỗ năng lượng và phụ phẩm gỗ cho sản xuất năng lượng. Rác thải rắn đô thị và rác thải công nghiệp cho sản xuất năng lượng sẽ không nằm trong phạm vi nghiên cứu của Sổ tay hướng dẫn này.

Bên cạnh đó, Sổ tay này chỉ áp dụng đối với các nhà máy năng lượng sinh khối nối lưới gồm có 1) Nhà máy sử dụng sinh khối chỉ để sản xuất điện và bán lên lưới điện quốc gia 2) Nhà máy sử dụng sinh khối để phát điện và bán lượng điện thừa lên lưới điện quốc gia sau khi khấu trừ phần điện tự dùng. Việc phát triển nhà máy năng lượng sinh khối không nối lưới có rất nhiều điểm khác biệt trên nhiều phương diện khác nhau và sẽ không được đề cập tới trong Sổ tay hướng dẫn này.

Ngoài ra, Sổ tay Hướng dẫn phát triển dự án này chỉ bao gồm các thủ tục phát triển dự án tổng thể với các giấy phép và đăng ký cần thiết cho nhà máy điện sinh khối tại Việt Nam từ việc Lựa chọn địa điểm phù hợp cho đến Vận hành và bảo dưỡng và Tháo dỡ nhà máy. Hướng dẫn này không bao gồm các thông tin về khía cạnh kỹ thuật của dự án chẳng hạn như việc lựa chọn công nghệ và hướng dẫn về việc tính toán hỗn hợp nhiên liệu đầu vào, việc lựa chọn và giám sát tổng thầu EPC cũng như là các khía cạnh kinh tế của khoản đầu tư và hoạt động, chi phí của nguồn đầu vào sinh khối cho nhà máy hay lợi nhuận của khoản đầu tư. Địa điểm Chủ đầu tư lựa chọn để xây dựng nhà máy trong phạm vi Sổ tay hướng dẫn này thuộc về nhà nước, địa điểm do một cá nhân sở hữu không thuộc phạm vi của Sổ tay hướng dẫn này.

Sổ tay hướng dẫn này chỉ dành cho các Chủ đầu tư lựa chọn hình thức Nhà sản xuất điện độc lập **(IPP)**, tổ chức hoặc cá nhân độc lập nước ngoài hoặc địa phương và chỉ dành cho các dự án không sử dụng vốn ODA hay vốn ngân sách nhà nước và không nằm trong các loại hình đầu tư đặc biệt như Đối tác Công Tư **(PPP)** hay Xây dựng và Chuyển giao **(BT)**.

2.3 CÁCH SỬ DỤNG SỔ TAY HƯỚNG DẪN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI

Tất cả các thủ tục hành chính phát triển một dự án năng lượng sinh khối nối lưới tại Việt Nam được minh họa bằng biểu đồ theo giai đoạn/chu kỳ phát triển dự án theo thời gian. Các bước/hoạt động trong một giai đoạn nhất định mà diễn ra song song sẽ được biểu thị tương ứng nhằm thể hiện một cách tổng quan về toàn bộ quá trình. Phát triển dự án sinh khối bao gồm bốn giai đoạn phát triển chính. Các bước trong mỗi giai đoạn được trình bày bởi một màu sắc khác nhau nhằm giúp người đọc dễ dàng theo dõi toàn bộ Hướng dẫn. Tất cả giấy phép/đăng ký/ thỏa thuận là kết quả của từng bước, được diễn tả bởi màu xám. Có hai mức độ thông tin được thể hiện trong Sổ tay hướng dẫn – phần tổng quan về quy trình chung và phần mô tả chi tiết các bước trong từng giai đoạn. Phần tổng quan mô tả các bước chính của mỗi giai đoạn phát triển, khung thời gian và các thỏa thuận/giấy phép đạt được. Phần mô tả chi tiết là một bước cụ thể hơn khi thể hiện tất cả các bước phụ của mỗi giai đoạn bao gồm: mô tả bước phụ, tài liệu pháp lý tham khảo, người chịu trách nhiệm, chính quyền địa phương có liên quan, hồ sơ chuẩn bị và đệ trình, thủ tục áp dụng và khung thời gian.

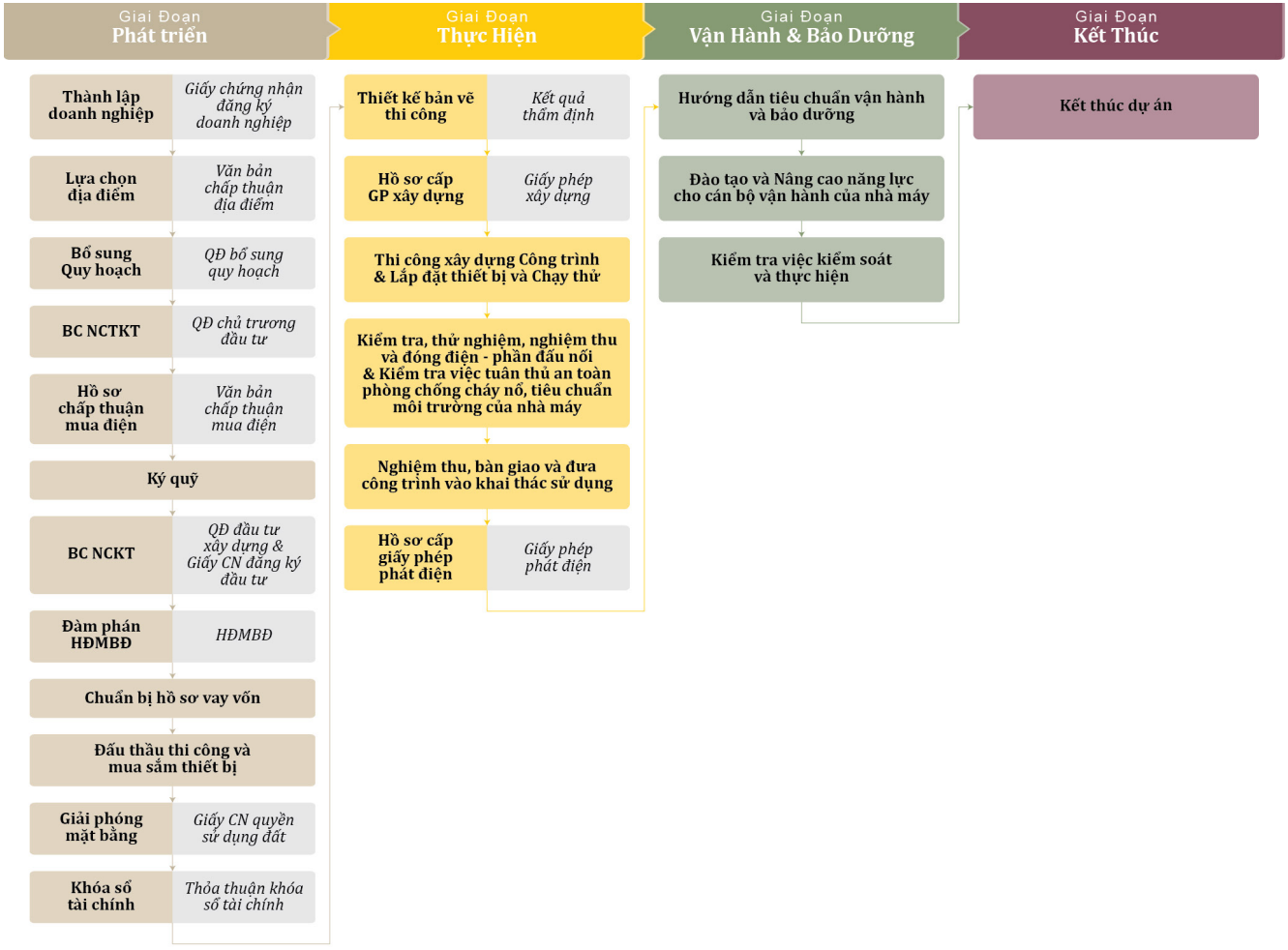
Sổ tay hướng dẫn cũng trích dẫn tất cả các văn bản pháp luật có liên quan ứng với từng bước trong mỗi gian đoạn khác nhau. Một số những trích dẫn văn bản cụ thể sẽ được đề cập hoặc trích dẫn trong phần phụ lục.

Sổ tay hướng dẫn được xây dựng để cung cấp thông tin chung trong suốt chu kỳ hoạt động của một dự án sinh khối: từ những ý tưởng ban đầu, bước phát triển và lên kế hoạch cho dự án đầu tiên cho đến thực hiện, vận hành và cuối cùng là kết thúc dự án ở cuối vòng đời của nhà máy.

Trong một số trường hợp cụ thể, khi Chủ đầu tư đã có sẵn một số văn bản pháp lý thì Chủ đầu tư có thể bỏ qua một số bước trong Sổ tay hướng dẫn này. Chẳng hạn như đối với các dự án điện sinh khối tại các nhà máy đường, Chủ đầu tư đã có đủ điều kiện hợp lệ để kinh doanh tại Việt Nam; đã có sẵn mặt bằng để thực hiện dự án... thì Chủ đầu tư có thể bỏ qua một số bước như Thành lập doanh nghiệp, Lựa chọn địa điểm và có thể cả bước Ký quỹ, Giải phóng mặt bằng. Khi đó, phần mô tả của các Bước còn lại trong Sổ tay Hướng dẫn này vẫn sẽ là một nguồn tham khảo hữu ích cho các Chủ đầu tư trong quá trình phát triển dự án.

3. Tổng quan về quá trình phát triển dự án sinh khối

Quá trình phát triển nhà máy điện sinh khối được chia làm bốn giai đoạn chính: (1) Giai đoạn phát triển (2) Giai đoạn thực hiện, (3) Giai đoạn vận hành và bảo dưỡng, và (4) Giai đoạn kết thúc



3.1 GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN

Giai đoạn này bao gồm các hoạt động chuẩn bị trước khi thi công xây dựng nhà máy năng lượng sinh khối. Giai đoạn phát triển bao gồm mười hai (12) bước:

- Bước 1. Thành lập doanh nghiệp
- Bước 2. Lựa chọn địa điểm
- Bước 3. Bổ sung dự án vào Quy hoạch phát triển và sử dụng năng lượng sinh khối và Quy hoạch phát triển điện lực
- Bước 4. Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi
- Bước 5. Hồ sơ xin chấp thuận mua điện
- Bước 6. Ký quỹ
- Bước 7. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi
- Bước 8. Hợp đồng mua bán điện (HĐMBĐ)
- Bước 9. Chuẩn bị hồ sơ vay vốn
- Bước 10. Đấu thầu thi công và mua sắm thiết bị nhà máy điện
- Bước 11. Giải phóng mặt bằng
- Bước 12. Khóa sổ tài chính

Trong những bước này, Chủ đầu tư cần đạt được tám (08) giấy phép/thỏa thuận chính sau khi kết thúc giai đoạn này. Những giấy phép/thỏa thuận này gồm có 1) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để đảm bảo rằng Chủ đầu tư có tư cách pháp lý cho hoạt động kinh doanh trong việc sản xuất và mua bán điện tại Việt Nam; 2) hai Quyết định từ cơ quan nhà nước đối với việc bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển và sử dụng năng lượng sinh khối và quy hoạch phát triển điện lực; 3) Quyết định chủ trương đầu tư từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép Chủ đầu tư tiếp tục phát triển và xây dựng nhà máy điện của mình; 4) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chỉ áp dụng đối với Chủ đầu tư nước ngoài; 5) Hợp đồng mua bán điện đã ký với EVN quy định về giá mua điện và thời gian mua điện; 6) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ban hành bởi Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng; 7) Thỏa thuận khóa sổ tài chính với tổ chức tài chính cho vay hoặc ngân hàng.

Bên cạnh đó, Chủ đầu tư cũng cần phải đạt được một số thỏa thuận quan trọng khác từ chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước có liên quan như thỏa thuận địa điểm, văn bản chấp thuận mua điện của EVN; một số báo cáo đặc biệt cần thiết cho báo cáo NCKT như thỏa thuận đấu nối, thỏa thuận SCADA/EMS (DMS), rơ le bảo vệ, thỏa thuận đo đếm điện năng, phòng cháy chữa cháy, đánh giá tác động môi trường. Ở giai đoạn này, các Chủ đầu tư cũng phải đưa ra quyết định đầu tư của riêng mình sau khi nhận được thẩm định thiết kế cơ sở từ cơ quan có thẩm quyền.

3.2 GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Giai đoạn này liên quan đến việc xây dựng nhà máy năng lượng sinh khối cũng như việc có hiệu lực của hợp đồng mua sắm trang thiết bị hoặc hợp đồng của tổng thầu EPC cho toàn bộ các thiết bị từ lò hơi, dây chuyền hơi và tuốc bin, máy phát và bộ phận nối lưới bao gồm hệ thống phụ và các bộ phận phụ trợ. Trong và sau giai đoạn thực hiện dự án, các thiết bị độc lập và nhà máy năng lượng cần phải được kiểm tra và thử nghiệm trước khi đưa vào vận hành thương mại. Giai đoạn này bao gồm sáu (06) bước.

- Bước 1. Thiết kế bản vẽ thi công
- Bước 2. Giấy phép xây dựng
- Bước 3. Thi công xây dựng công trình & Lắp đặt thiết bị và chạy thử
- Bước 4. Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện – Phần đấu nối & Kiểm tra việc tuân thủ an toàn, phòng chống cháy nổ, tiêu chuẩn môi trường của nhà máy
- Bước 5. Nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào khai thác sử dụng
- Bước 6. Giấy phép phát điện

Ba (03) giấy phép/thỏa thuận chính cần phải đạt được sau khi kết thúc giai đoạn này. Những giấy phép/thỏa thuận này bao

gồm 1) Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công là cơ sở để nhà thầu thi công xây dựng triển khai xây dựng nhà máy năng lượng; 2) Giấy phép xây dựng là điều kiện bắt buộc cho phép Chủ đầu tư tiến hành xây dựng nhà máy năng lượng sinh khối; 3) Giấy phép phát điện yêu cầu cho hoạt động thương mại của nhà máy năng lượng sinh khối.

3.3 GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG

Đây là giai đoạn quan trọng nhất về mặt sản xuất năng lượng và tạo ra doanh thu từ khoản đầu tư ban đầu. Nhà máy năng lượng cần phải được vận hành và duy trì một cách phù hợp để đảm bảo hoạt động vận hành tin cậy và thông suốt. Có ba bước trong giai đoạn này.

- Bước 1. Xây dựng Hướng dẫn tiêu chuẩn vận hành và bảo dưỡng
- Bước 2. Đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành nhà máy
- Bước 3. Kiểm tra việc kiểm soát và thực hiện

Nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả, an toàn và thông suốt trong quá trình vận hành thương mại, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà sản xuất và cung cấp thiết bị cung cấp các tài liệu vận hành và bảo dưỡng cũng như thực hiện các khóa đào tạo cho nhân viên. Tùy thuộc vào quy mô và nhu cầu, các khóa đào tạo này có thể được tổ chức theo nhiều phương pháp khác nhau bao gồm cả đào tạo lý thuyết và đào tạo trực tiếp trong công việc. Bên cạnh đó, Chủ đầu tư cũng cần thuê một cơ sở đào tạo chuyên nghiệp thực hiện việc đánh giá nhu cầu đào tạo cho nhân viên trước và sau khi nhà máy đi vào hoạt động. Chủ đầu tư nên có cán bộ vận hành chủ chốt tại nhà máy khi thi công xây dựng bắt đầu để đảm bảo cán bộ này hiểu mọi chi tiết của nhà máy.

3.4 GIAI ĐOẠN KẾT THÚC DỰ ÁN VÀ THÁO DỠ

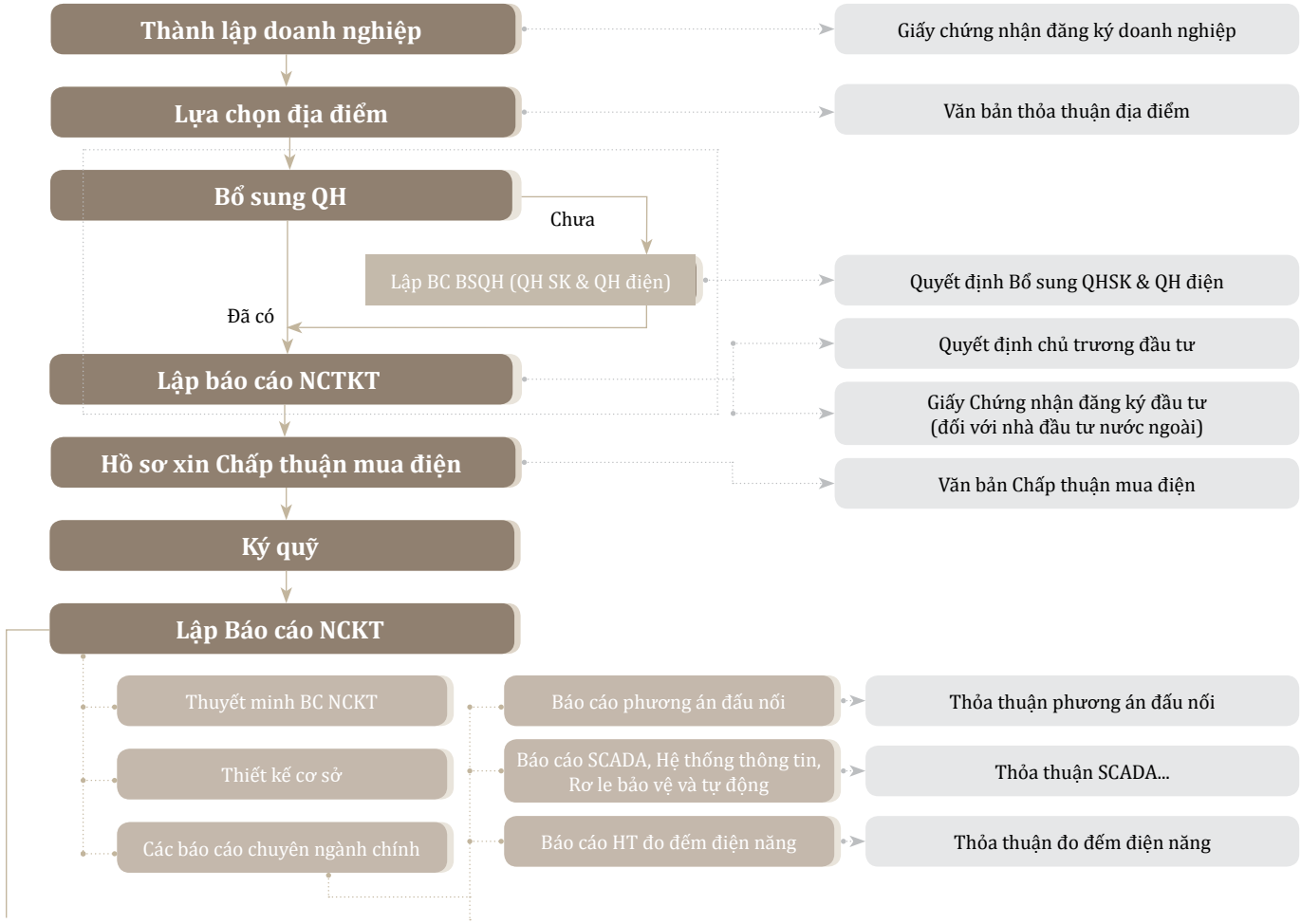
Tùy vào từng trường hợp, nhà máy năng lượng sẽ được nâng cấp, sửa chữa hoặc dừng khai thác sử dụng. Trong trường hợp dừng khai thác sử dụng, các hạng mục công trình sẽ được di dời và địa điểm dự án sẽ phải được khôi phục nguyên trạng sử dụng đất.

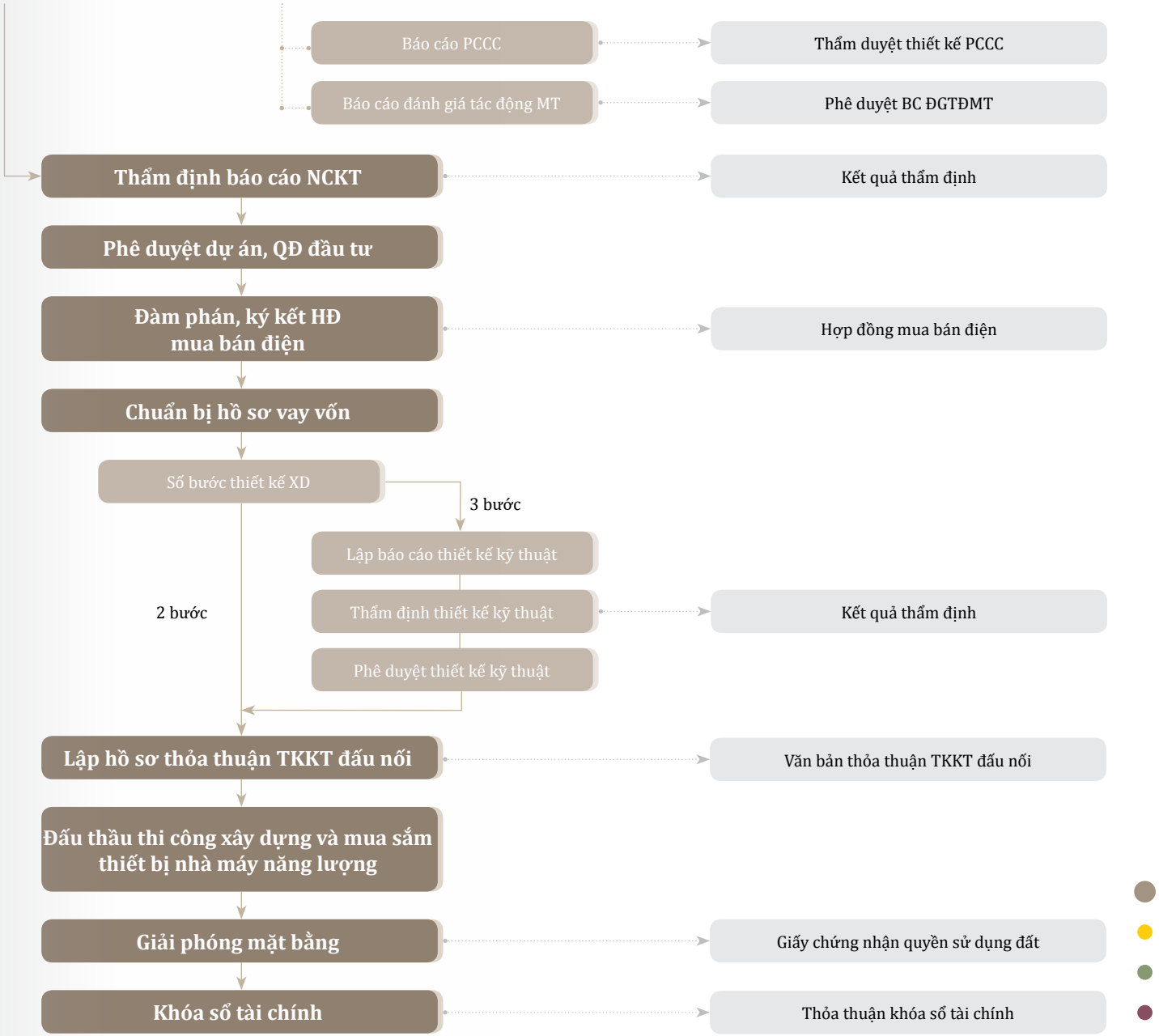




4. Chi tiết về quá trình phát triển dự án sinh khối

4.1 GIAI ĐOẠN A: PHÁT TRIỂN DỰ ÁN




Báo cáo PCCC
Thẩm duyệt thiết kế PCCC
Báo cáo đánh giá tác động MT
Phê duyệt BC ĐGTĐMT
Thẩm định báo cáo NCKT
Kết quả thẩm định
Phê duyệt dự án, QĐ đầu tư
Đàm phán, ký kết HĐ mua bán điện
Hợp đồng mua bán điện
Chuẩn bị hồ sơ vay vốn
Số bước thiết kế XD
3 bước
Lập báo cáo thiết kế kỹ thuật
2 bước
Thẩm định thiết kế kỹ thuật
Kết quả thẩm định
Phê duyệt thiết kế kỹ thuật
Lập hồ sơ thỏa thuận TKKT đấu nối
Văn bản thỏa thuận TKKT đấu nối
Đấu thầu thi công xây dựng và mua sắm thiết bị nhà máy năng lượng
Giải phóng mặt bằng
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Khóa sổ tài chính
Thỏa thuận khóa sổ tài chính



A.1	Thành lập doanh nghiệp
Mô tả	Chủ đầu tư cần đảm bảo có đủ điều kiện về mặt pháp lý để tham gia hoạt động trong lĩnh vực phát điện. Nếu Chủ đầu tư chưa thành lập doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phát điện thì cần thiết phải thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Tuỳ theo loại hình doanh nghiệp mà chủ đầu tư muốn thành lập (như doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) thì việc chuẩn bị hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp sẽ có những yêu cầu cụ thể theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành. Trong trường hợp các công ty của Chủ đầu tư đã có đủ điều kiện hợp lệ để kinh doanh tại Việt Nam nhưng trong giấy phép đăng ký kinh doanh hiện có không bao gồm hoạt động điện lực, thì Chủ đầu tư cần phải thực hiện việc bổ sung ngành nghề kinh doanh nhằm đảm bảo có đủ tư cách pháp lý thực hiện các bước tiếp theo để đầu tư dự án về điện.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có quyền thành lập doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện từ nguồn sinh khối nối lưới, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, điều 18, Luật Doanh nghiệp.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. • Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/9/2015 về Đăng ký doanh nghiệp. • Nghị định số 96/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2015 Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp. • Thông tư số 176/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 23/10/2012 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp. • Thông tư số 106/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 09/8/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư • Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở KH&ĐT

Hồ sơ cần nộp	**Đối với trường hợp đăng ký mới:** Nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được quy định tại Điều 20, 21, 22, 23 Luật Doanh Nghiệp cho từng loại doanh nghiệp cụ thể. **Đối với trường hợp đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh:** Doanh nghiệp gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh (DKKD) nơi doanh nghiệp đã đăng ký. Nội dung Thông báo bao gồm: • Tên, mã số doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp doanh nghiệp chưa có mã số doanh nghiệp, mã số thuế). • Ngành, nghề đăng ký bổ sung hoặc thay đổi. • Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần và của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh. Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được thay đổi trong Điều lệ công ty.
Trình tự thủ tục	1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/hồ sơ thay đổi ngành nghề kinh doanh tại Phòng ĐKKD nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. 2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Phòng ĐKKD trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ. 3. Sau khi trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản trong hồ sơ sau khi được số hóa vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 4. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.
Thời gian dự kiến	Ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được hồ sơ hợp lệ.
Chi phí	Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp, thay đổi ngành nghề kinh doanh áp dụng theo quy định hiện hành: Thông tư số 176/2012/TT-BTC và Thông tư số 106/2013/TT-BTC

A.2	Lựa chọn địa điểm
Mô tả	Trong bước này, Chủ đầu tư sẽ phải thực hiện một số hoạt động như nghiên cứu tại văn phòng và khảo sát các địa điểm tiềm năng. Đầu tiên, Chủ đầu tư sẽ thu thập dữ liệu liên quan tới các nguồn năng lượng sinh khối (từ Sở NN&PTNT) và QHPTĐL của quốc gia/tỉnh (từ Sở CT), quy hoạch sử dụng đất (từ Sở TN&MT) và quy hoạch/kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (từ Sở KH&ĐT) ở những vùng có tiềm năng lớn về nguyên liệu sinh khối để đảm bảo sự hài hòa và tương thích trong việc triển khai xây dựng nhà máy điện sinh khối với sự phát triển của tỉnh. Sau đó, Chủ đầu tư sẽ tiến hành khảo sát thực địa nhằm đánh giá về cơ sở hạ tầng như nguồn nước, đường giao thông, lưới điện sẵn có, dân cư xung quanh và nguồn sinh khối tiềm năng. Kết thúc bước này, Chủ đầu tư cần ký được Hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp sinh khối. Ngoài ra, Chủ đầu tư nên có được những thông tin dưới đây: • Quyền và cơ cấu sỡ hữu của đất và đường giao thông; quyền xây dựng đường dây tải điện trên diện tích đất định chọn. • Khu vực của mảnh đất, rừng tự nhiên bảo tồn/ rừng trồng. • Nguồn nước cho hệ thống làm mát của nhà máy. • Sự sẵn có của hệ thống viễn thông. • Điều kiện địa chất để xây dựng nhà máy. • Đối với trường hợp hệ thống đồng phát được thay mới hoàn toàn: diện tích phù hợp để xây dựng nhà máy mới. • Điều kiện của hệ thống đường giao thông; tải trọng tối đa của cầu. • Điều kiện của hệ thống lưới điện; công suất lưới điện và nghiên cứu tác động của nhà máy đối với lưới điện nên được bắt đầu thực hiện. • Điện và nước cho quá trình thi công xây dựng và vận hành nhà máy
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• QHPTĐL tỉnh và quốc gia. • Quy hoạch phát triển năng lượng sinh khối tỉnh, vùng và quốc gia (nếu có).

Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Quy hoạch sử dụng đất tỉnh. • Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội tỉnh.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Tuỳ thuộc vào từng dự án cụ thể
Chi phí	Không áp dụng
Lưu ý	Chủ đầu tư nên tiến hành khảo sát địa điểm tiềm năng để đảm bảo sự phù hợp địa điểm cho việc phát triển dự án. Khảo sát địa điểm cho phép Chủ đầu tư có thể điều tra kỹ lưỡng một số khía cạnh, ví dụ như đường giao thông, tình trạng lưới điện, lấy mẫu sinh khối... Chủ đầu tư nên tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương cấp xã/ huyện trong quá trình khảo sát để nhận được sự hỗ trợ cần thiết trong quá trình thực hiện hoạt động này.



A.2.1	Đánh giá nguồn nguyên liệu đầu vào và Biên bản ghi nhớ với nhà cung cấp sinh khối
Mô tả	Chủ đầu tư cần phải thu thập dữ liệu về tiềm năng nguồn cung cấp sinh khối địa phương cho các địa điểm tiềm năng và đáng tin cậy nhất cho quá trình phát triển dự án. Hoạt động này có vai trò rất quan trọng bởi vì nguồn cung cấp sinh khối là yếu tố quan trọng nhất đối với các dự án năng lượng sinh khối nhằm đảm bảo nguồn cung đủ cho toàn bộ vòng đời dự án và giúp dự án có thể vay vốn được của ngân hàng. Trong bước này, loại sinh khối, khả năng cung cấp và chất lượng của nguồn sinh khối cũng cần phải được đánh giá. Để đánh giá chất lượng nguồn sinh khối, Chủ đầu tư nên lấy mẫu và phân tích mẫu ở phòng thí nghiệm được chứng nhận. 1. Danh sách chi tiết các nhà cung cấp sinh khối tiềm năng/ dự án năng lượng sinh khối cạnh tranh trong khu vực; phân tích tổng tiềm năng các nguồn sinh khối/ cạnh tranh cần phải xem xét đến các mục đích sử dụng khác như cho gia súc và công nghiệp. 2. Xây dựng các kịch bản chi phí sinh khối cho các trường hợp cơ sở/tốt nhất/kém nhất dựa trên các thông số khác nhau, chủ yếu là giá trị nhiệt trị thấp (LHV). 3. Tính sẵn có của các loại sinh khối theo mùa do đặc điểm của các loại sinh khối có thể thay đổi theo mùa, các vấn đề về lưu trữ (trên cánh đồng/ bên cạnh nhà máy) cần phải được xem xét. 4. Phần tro nên được tận dụng quay trở lại cánh đồng cho mục đích nhằm tránh các tác động lâu dài đến đặc điểm dinh dưỡng trong đất, phân bón và các lớp mùn. 5. Tro được sinh ra như phụ phẩm của quy trình sản xuất năng lượng, xem xét đến người mua điện tiềm năng và giá trị thị trường của sinh khối. 6. Thỏa thuận về biên bản ghi nhớ với nhà cung cấp nguồn nguyên liệu sinh khối để đảm bảo chất lượng, số lượng và chi phí phát sinh khối trong suốt vòng đời dự án. 7. Biên bản ghi nhớ cung cấp nguồn nguyên liệu sinh khối cần dựa trên việc thanh toán theo giá trị năng lượng và dung tích thuần (độ ẩm, tro, đá cần phải bị loại trừ). Kết thúc bước này, Chủ đầu tư sẽ có thể ký được một hợp đồng khung/ biên bản ghi nhớ với các nhà cung cấp nguyên liệu sinh khối tiềm năng.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Không áp dụng
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư

Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Phụ thuộc vào từng dự án cụ thể
Chi phí	Không áp dụng
Lưu ý	Chủ đầu tư cũng nên tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương như Sở NN&PTNT, cộng đồng địa phương, Sở CT tỉnh để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của dữ liệu thu thập được. Chủ đầu tư nên tiếp cận những người có khả năng cung cấp nguồn sinh khối đầu vào cho nhà máy như nông dân và các doanh nghiệp (nguồn sinh khối dư thừa như bã mía, trấu, rơm và phế thải từ nhà máy chế biến gỗ và sản phẩm nông nghiệp, xay xát…)



A.2.2	Hậu cần và vận chuyển nguồn nguyên liệu
Mô tả	Song song với bước phụ A.2.1, Chủ đầu tư sẽ phân tích phương án vận chuyển sinh khối tới địa điểm dự án sinh khối được lựa chọn, hệ thống đường giao thông và chi phí vận chuyển và cơ sở lưu trữ tập trung cho nguồn nguyên liệu sinh khối. Thông tin liên quan đến phương tiện/ các lựa chọn phương thức vận tải thay thế cũng như chi phí liên quan phải được bao gồm trong bản báo cáo đầu tư và báo cáo thiết kế cơ sở. Nghiên cứu/ đánh giá tác động của việc vận chuyển nguồn nguyên liệu sinh khối bao gồm: • Diện tích lưu vực, bán kính và mật độ sinh khối. • Hậu cần cho xe tải/thuyền ghe, tải trọng và giao thông. • Chi phí sinh khối trên tấn, (có và không có độ ẩm), theo sản lượng NL thuần tương ứng với giá trị nhiệt trị thấp (LHV) và điện năng được sản xuất. • Các kịch bản cơ sở/thấp/cao của chi phí vận chuyển sinh khối. • Cơ sở lưu trữ tập trung tiềm năng. • Điều kiện giao thông trong mùa mưa.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Không áp dụng
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Phụ thuộc vào từng dự án cụ thể
Chi phí	Không áp dụng

Lưu ý	Chủ đầu tư nên tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương như UBND tỉnh, Sở NN & PTNT, cộng đồng địa phương, Sở CT, Sở GTVT, Sở TN & MT, Phòng TN&MT cấp huyện/xã để đảm bảo sự tương thích của dự án với chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng của tỉnh, đặc biệt là về vấn đề vận chuyển, để lựa chọn phương án vận chuyển phù hợp nhất.



A.2.3	Văn bản Thoả thuận địa điểm dự án đầu tư
Mô tả	Đối với địa điểm mà Chủ đầu tư đã lựa chọn, Chủ đầu tư cần phải có Văn bản thỏa thuận địa điểm do cơ quan có thẩm quyền ký ban hành để thực hiện các bước tiếp theo như lập quy hoạch chi tiết xây dựng, lập hồ sơ bảo vệ môi trường, hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... Văn bản này là cơ sở để chủ đầu tư lập dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Xây dựng và các quy định khác có liên quan.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội. • Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13. • Thủ tục cho phép khảo sát địa điểm đầu tư để lập dự án đầu tư theo quy định cụ thể của từng tỉnh.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • UBND tỉnh. • Sở Tài nguyên Môi trường.
Hồ sơ cần nộp	• Công văn xin địa điểm đầu tư dự án. • Báo cáo đánh giá sơ bộ địa điểm dự án, Báo cáo nên bao gồm các nội dung chính sau: a. Thông tin chung về dự án điện sinh khối ví dụ như chủ đầu tư, công suất dự án... b. Tiêu chí đánh giá lựa chọn địa điểm: nguồn nhiên liệu; nguồn điện; nguồn nước, điểm xả thải. c. Hiện trạng nguồn sinh khối trong vùng: trữ lượng và số lượng; sản lượng thực tế; khả năng cung cấp; các phương án vận chuyển và hậu cần. d. Thông tin danh sách ngắn các địa điểm dự án được lựa chọn. Mỗi địa điểm được xem xét cho dự án cần có các thông tin sau: mô tả địa điểm; phương án cung cấp nguyên liệu sinh khối; Phương án đặt trạm điện đến nguồn điện, nguồn nước và điểm xả thải a. Đánh giá thuận lợi và khó khăn của mỗi địa điểm (phân tích SWOT). b. Kết luận và khuyến nghị về việc lựa chọn địa điểm. • Hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp sinh khối được chuẩn bị trong bước A.2.1

Trình tự thủ tục	Theo Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì UBND tỉnh là cơ quan quyết định về việc giao đất. Sở TN&MT là cơ quan tiếp nhận Hồ sơ và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ xin giao đất để thực hiện đầu tư dự án. Hồ sơ xin giao đất phải thể hiện được điều kiện về năng lực tài chính của Chủ đầu tư để đảm bảo việc sử dụng đất theo tiến độ dự án theo quy định trong Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. 2. Căn cứ hồ sơ của Chủ đầu tư, Sở TN&MT sẽ tiến hành các biện pháp thẩm tra hồ sơ, xin ý kiến của các Bộ, Ngành liên quan trước khi gửi ý kiến bằng văn bản tới UBND tỉnh để ra quyết định giao đất cho Chủ đầu tư thực hiện đầu tư dự án. 3. Ngay sau khi có văn bản đồng ý giao đất thực hiện đầu tư dự án của UBND tỉnh, Chủ đầu tư có thể tiến hành các bước khảo sát, chuẩn bị mặt bằng theo quy định cụ thể của từng tỉnh và phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành các bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Việc thông báo thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sẽ được thực hiện trên phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của địa phương và niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi có đất, tại địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư có đất thu hồi.
Thời gian dự kiến	Không quá hai mươi (20) ngày kể từ thời điểm tiếp nhận Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tới khi ra quyết định giao đất. Trong trường hợp phải xin ý kiến và thẩm tra thì khoảng thời gian trên không quá ba mươi (30) ngày.
Chi phí	Phí hành chính: theo qui định của tỉnh



A.3	Lập báo cáo bổ sung dự án vào Quy hoạch phát triển và sử dụng năng lượng sinh khối
Mô tả	Đối với các dự án điện sinh khối chưa có trong QHPTSK (quy hoạch ngành), Dự án phải được trình Bộ CT để xem xét, chấp thuận bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung quy hoạch ngành trước khi lập Báo cáo NCKT. Nội dung của báo cáo bổ sung quy hoạch ngành bao gồm: • Loại sinh khối và khả năng cung cấp. • Sự cần thiết phải đầu tư xây dựng dự án, các điều kiện thuận lợi và khó khăn, chế độ khai thác và sử dụng tài nguyên quốc gia (nếu có). • Mô tả dự án: vị trí, quy mô và diện tích xây dựng công trình, các hạng mục công trình thuộc dự án; các nội dung về quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng của địa phương. • Sơ bộ các giải pháp thực hiện, bao gồm: phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất; phương án đấu nối hạ tầng kỹ thuật; phương án lắp đặt thiết bị; tiến độ thực hiện và hình thức quản lý dự án; phương án chung về bồi thường tái định cư và phương án hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có); kế hoạch và phương án chi phí. • Đánh giá tác động môi trường, các giải pháp phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về an ninh, quốc phòng. • Tổng mức đầu tư của dự án; khả năng thu xếp vốn, nguồn vốn và khả năng cấp.
Điều kiện áp dụng	Dự án điện sinh khối nối lưới chưa có trong quy hoạch ngành
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng: Khoản 3 Điều 9. • Thông tư số 44/2015/TT-BCT ngày 09/12/2015 của Bộ CT quy định về phát triển dự án, biểu giá chi phí tránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư/Tư vấn

Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Từ bốn lăm (45) đến sáu mươi (60) ngày
Chi phí	Theo Hợp đồng giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn
Lưu ý	Báo cáo bổ sung dự án vào QHPTSK nên được lập đồng thời cùng báo cáo bổ sung dự án vào QHPTĐL.



A.3.1	Phê duyệt bổ sung dự án vào Quy hoạch phát triển và sử dụng năng lượng sinh khối
Mô tả	Căn cứ theo hồ sơ đề nghị bổ sung dự án vào QHPTSK, Bộ CT hoặc Thủ tướng chính phủ theo phân cấp sẽ xem xét phê duyệt bổ sung dự án vào QHPTSK. Đây chính là cơ sở pháp lý quan trọng để Chủ đầu tư triển khai lập Báo cáo NCKT.
Điều kiện áp dụng	Dự án điện sinh khối chưa có trong quy hoạch ngành.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Thông tư số 44/2015/TT-BCT ngày 09/12/2015 của Bộ CT quy định về phát triển dự án, biểu giá chi phí tránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • UBND cấp tỉnh. • Bộ CT/Tổng cục Năng lượng.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án vào QHPTSK bao gồm: 1. Tờ trình của Chủ tịch UBND cấp tỉnh đề nghị bổ sung dự án vào QHPTSK. 2. Thông tin cơ bản về chủ đầu tư: Các tài liệu về tư cách pháp lý, đăng ký kinh doanh, nhân sự chủ chốt, kinh nghiệm thực hiện dự án, năng lực tài chính, kỹ thuật, trong đó cần kê khai danh sách các dự án đã thực hiện (bao gồm các dự án công nghiệp và dự án điện, nếu có). 3. Năm (05) bộ Báo cáo bổ sung quy hoạch (đã thực hiện ở bước A.3) 4. Ý kiến của Tổng Công ty điện lực vùng hoặc đơn vị truyền tải điện (nếu đấu nối vào hệ thống điện truyền tải) về Hồ sơ đề nghị bổ sung quy hoạch.
Trình tự thủ tục	1. Chủ đầu tư trình hồ sơ đề xuất dự án điện sinh khối lập ở bước A.3 gửi UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt dự án. Trên cơ sở đề xuất dự án, UBND cấp tỉnh lập Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án vào QHPTSK theo quy định gửi Bộ CT. 2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ CT (Tổng cục Năng lượng) có văn bản yêu cầu bổ sung Hồ sơ.

	3. Tổng cục Năng lượng chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định Hồ sơ đề nghị bổ sung quy hoạch ngành trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp cần thiết, Tổng cục Năng lượng được phép thuê tư vấn thẩm định, tư vấn phản biện phục vụ công tác thẩm định. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Tổng cục Năng lượng báo cáo Bộ trưởng Bộ CT xem xét, phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
Thời gian dự kiến	TCNL sẽ tổ chức thẩm định trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Tùy theo quy mô dự án (như phần miêu tả), TCNL sẽ trình Bộ CT phê duyệt hoặc Bộ CT trình Thủ tướng phê duyệt.
Chi phí	Không áp dụng



A.4	Lập báo cáo bổ sung dự án vào Quy hoạch phát triển điện lực
Mô tả	Để có đủ điều kiện lập Báo cáo NCKT, ngoài việc lập báo cáo bổ sung dự án vào QHPTSK, Chủ đầu tư lập báo cáo bổ sung dự án vào QHPTĐL (1) cấp quốc gia đối với dự án có quy mô công suất > 50MW; (2) cấp tỉnh đối với dự án có quy mô công suất ≤ 50MW. Nội dung của báo cáo điều chỉnh, bổ sung QHPTĐL quốc gia/tỉnh bao gồm: 1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết điều chỉnh, bổ sung quy hoạch. 2. Quy mô, tiến độ và các thông số chính của dự án cần điều chỉnh, bổ sung quy hoạch. 3. Đánh giá ảnh hưởng của việc điều chỉnh, bổ sung dự án đối với lưới điện của tỉnh/khu vực khi xuất hiện dự án. 4. Các giải pháp đồng bộ về nguồn, lưới điện khu vực cần điều chỉnh để đảm bảo cung cấp điện. 5. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án bổ sung, điều chỉnh. 6. Kết luận và kiến nghị.
Điều kiện áp dụng	Dự án điện sinh khối nối lưới chưa có trong QHPTĐL.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng: Khoản 3 Điều 9. • Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 về việc quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh QHPTĐL.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư/Tư vấn
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng

Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Từ bốn lăm (45) đến sáu mươi (60) ngày
Chi phí	Theo Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn
Lưu ý	Báo cáo bổ sung dự án vào QHPTĐL nên được lập đồng thời cùng báo cáo bổ sung dự án vào QHPTSK.



A.4.1	Phê duyệt bổ sung dự án vào Quy hoạch phát triển điện lực
Mô tả	Căn cứ theo hồ sơ đề nghị bổ sung dự án vào QHPTĐL của Chủ đầu tư, Bộ CT hoặc Thủ tướng chính phủ tùy theo phân cấp xem xét phê duyệt bổ sung Dự án vào QHPTĐL tỉnh hay quốc gia. Đây chính là cơ sở để chủ đầu tư triển khai lập Báo cáo NCKT.
Điều kiện áp dụng	Dự án điện sinh khối chưa có trong QHPTĐL.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 về việc quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh QHPTĐL
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Thủ tướng chính phủ đối với dự án có quy mô công suất > 50MW: Theo đề nghị của Bộ CT, Thủ tướng sẽ phê duyệt bổ sung dự án vào QHPTĐL Quốc gia. • Tổng cục năng lượng/Bộ CT đối với dự án ≤ 50MW: Theo đề nghị của UBND tỉnh, TCNL/Bộ CT sẽ phê duyệt bổ sung dự án vào QHPTĐL tỉnh.
Hồ sơ cần nộp	**Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án vào QHPTĐL quốc gia bao gồm:** 1. Văn bản về sự cần thiết điều chỉnh, bổ sung quy hoạch của Chủ đầu tư. 2. Năm (05) bộ Đề án điều chỉnh bổ sung quy hoạch (được lập ở bước A.4). 3. Văn bản thống nhất của UBND tỉnh về vị trí quy hoạch địa điểm công trình điện đề xuất bổ sung, điều chỉnh. 4. Các văn bản chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm kỹ thuật của Chủ đầu tư và các văn bản khác (nếu cần thiết). **Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án vào QHPTĐL tỉnh bao gồm:** 1. Tờ trình đề nghị điều chỉnh, bổ sung Hợp phần quy hoạch của UBND tỉnh. 2. Năm (05) bộ Báo cáo điều chỉnh bổ sung quy hoạch (được lập ở bước A.4). 3. Văn bản góp ý của Công ty điện lực tỉnh, UBND các quận/huyện và các Sở, ban ngành có liên quan.

Trình tự thủ tục	**Trình tự phê duyệt bổ sung dự án vào QHPTĐL quốc gia** 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị bổ sung quy hoạch gửi Tổng cục Năng lượng thẩm định; 2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Tổng cục Năng lượng phải có văn bản yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chưa đầy đủ, hợp lệ; 3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Năng lượng tiến hành thẩm định Đề án điều chỉnh quy hoạch; 4. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi Đề án quy hoạch đã được bổ sung, hoàn chỉnh, Tổng cục Năng lượng chịu trách nhiệm dự thảo tờ trình và báo cáo Bộ trưởng Bộ CT xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. **Trình tự phê duyệt bổ sung dự án vào QHPTĐL tỉnh** 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị bổ sung quy hoạch gửi Sở CT xem xét báo cáo UBND tỉnh có văn bản gửi Tổng cục Năng lượng thẩm định, báo cáo Bộ trưởng Bộ CT phê duyệt; 2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Tổng cục Năng lượng phải có văn bản yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ quy hoạch chưa đầy đủ, hợp lệ; 3. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Năng lượng tiến hành thẩm định hồ sơ điều chỉnh Hợp phần quy hoạch trước khi trình Bộ trưởng Bộ CT phê duyệt.
Thời gian dự kiến	• Khoảng một trăm mười (110) ngày làm việc đối với Dự án bổ sung vào QHPTĐL quốc gia. • Khoảng năm mươi (50) ngày làm việc đối với Dự án bổ sung vào QHPTĐL tỉnh.
Chi phí	Không áp dụng

A.5	Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi
Mô tả	Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (NCTKT) là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của việc đầu tư xây dựng, làm cơ sở xem xét, quyết định chủ trương đầu tư xây dựng. Nội dung Báo cáo NCTKT bao gồm: 1. Sự cần thiết đầu tư và các điều kiện để thực hiện đầu tư xây dựng. 2. Dự kiến mục tiêu, quy mô, địa điểm và hình thức đầu tư xây dựng. 3. Nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên. 4. Phương án thiết kế sơ bộ về xây dựng, thuyết minh, công nghệ, kỹ thuật và thiết bị phù hợp. 5. Dự kiến thời gian thực hiện dự án. 6. Sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; khả năng hoàn vốn, trả nợ vốn vay (nếu có); xác định sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội và đánh giá tác động của dự án.
Điều kiện áp dụng	• Đối với dự án điện sinh khối thuộc nhóm A (TMĐT ≥ 2.300 tỷ đồng). • Đối với những dự án điện sinh khối khác: chủ đầu tư xem xét, quyết định.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014: Điều 52, 53. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng: khoản 2 điều 7, phụ lục 1.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư/Tư vấn
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Khoảng ba mươi (30) đến bốn lăm (45) ngày

Chi phí	Theo Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn (có thể dựa trên định mức lập báo cáo NCTKT theo quyết định số 11/2005/QĐ-BXD ngày 15 tháng 4 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức chi phí lập dự án và thiết kế xây dựng công trình).
Lưu ý	Báo cáo NCTKT nên được thực hiện cho cả những dự án đã được bổ sung quy hoạch ngành và điện lực để đảm bảo đủ độ chính xác khi xin Quyết định Chủ trương đầu tư.



A.5.1	Quyết định Chủ trương đầu tư
Mô tả	Sau khi hồ sơ đề xuất dự án (Báo cáo NCTKT) đáp ứng mọi yêu cầu, UBND tỉnh sẽ cấp Quyết định chủ trương đầu tư cho chủ đầu tư. Quyết định Chủ trương Đầu tư (i) cho phép chủ đầu tư trong nước triển khai phát triển dự án tại địa điểm được chọn và (ii) là cơ sở để chủ đầu tư nước ngoài xin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Nội dung quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh gồm: 1. Chủ đầu tư thực hiện dự án. 2. Tên, mục tiêu, quy mô, vốn đầu tư của dự án, thời hạn thực hiện dự án. 3. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư. 4. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn. 5. Công nghệ áp dụng. 6. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có). 7. Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án đầu tư điện sinh khối nối lưới
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, ngày 26/11/2014: Mục 2, Chương IV. • Nghị định số 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2015 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Sở KH&ĐT. • UBND cấp tỉnh.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ yêu cầu bao gồm: 1. Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư.

	2. Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với Chủ đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với Chủ đầu tư là tổ chức. 3. Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: Chủ đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án. 4. Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính hai (02) năm gần nhất của Chủ đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của Chủ đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của Chủ đầu tư. 5. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận Chủ đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư. 6. Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính. 7. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.
Trình tự thủ tục	1. Chủ đầu tư nộp bốn (04) bộ hồ sơ cho Cơ quan đăng ký đầu tư nơi dự kiến thực hiện dự án đầu tư (Sở KH&ĐT). Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan. 2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, và gửi cơ quan đăng ký đầu tư. 3. Trong thời hạn hai lăm (25) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND cấp tỉnh. 4. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Thời gian dự kiến	Trong thời hạn ba lăm (35) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư hợp lệ, cơ quan đăng ký đầu tư phải thông báo kết quả cho Chủ đầu tư
Chi phí	Không áp dụng

A.5.2	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
Mô tả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là văn bản, bản điện tử ghi nhận thông tin đăng ký của Chủ đầu tư về dự án đầu tư. Giấy chứng nhận này sẽ được cơ quan đăng ký đầu tư cấp sau khi dự án nhận được quyết định chủ trương đầu tư. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bao gồm: 1. Mã số dự án đầu tư. 2. Tên, địa chỉ của Chủ đầu tư. 3. Tên dự án đầu tư. 4. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng. 5. Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư. 6. Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp của Chủ đầu tư và vốn huy động), tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn. 7. Thời hạn hoạt động của dự án. 8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư. 9. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và căn cứ, điều kiện áp dụng (nếu có). 10. Các điều kiện đối với Chủ đầu tư thực hiện dự án (nếu có). Khi có nhu cầu thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Chủ đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Điều 40 Luật Đầu tư số 67/2014/QH và Mục 3, Chương IV, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.
Điều kiện áp dụng	• Dự án đầu tư điện sinh khối của Chủ đầu tư nước ngoài. • Dự án đầu tư điện sinh khối của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, ngày 26/11/2014: Mục 3, Chương IV. • Nghị định số 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2015 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư.

Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế: đối với dự án đầu tư điện sinh khối thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. • Sở KH&ĐT: đối với các trường hợp còn lại.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Sau khi Chủ đầu tư nhận được Quyết định chủ trương đầu tư từ UBND tỉnh, Cơ quan đăng ký đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận đầu tư
Thời gian dự kiến	Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh
Chi phí	Không áp dụng



A.6	Hồ sơ xin Chấp thuận mua điện
Mô tả	Chủ đầu tư cần chuẩn bị hồ sơ để lấy được Văn bản Chấp thuận mua điện từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Đây là văn bản chấp thuận về chủ trương mua điện của EVN với Chủ đầu tư điện sinh khối và là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng cho Chủ đầu tư thực hiện các bước tiếp theo của dự án. Văn bản chấp thuận mua điện bao gồm các nội dung sau: 1. Chấp thuận về chủ trương mua điện của EVN. 2. Các vấn đề cần lưu ý đối với Chủ đầu tư khi triển khai thực hiện dự án. 3. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận mua điện kể từ ngày ký văn bản cho đến khi Chủ đầu tư hoàn thành ký kết HĐMBĐ với EVN, trừ trường hợp EVN có ý kiến khác đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã nhận được Quyết định chủ trương đầu tư hoặc/và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Quyết định số 246 /QĐ-EVN ngày 26/4/2014 của EVN về việc ban hành quy chế đàm phán, ký kết và thực hiện HĐMBĐ các dự án điện: Điều 16
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị Chấp thuận mua điện bao gồm: 1. Văn bản của Chủ đầu tư đề nghị bán điện cho EVN. 2. Các thông tin sơ bộ về dự án: Địa điểm xây dựng; mục tiêu dự án; các thông số chính về qui mô công suất, vốn đầu tư, thời điểm vận hành, tiến độ dự kiến thực hiện; các nội dung liên quan đến quy hoạch ngành và địa phương. 3. Bản sao có chứng thực các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án, như: quy hoạch nguồn và lưới điện. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các giấy phép có liên quan. 4. Các thông tin cơ bản về Chủ đầu tư: các tài liệu về tư cách pháp lý, đăng ký doanh nghiệp, năng lực kinh nghiệm thực hiện dự án, năng lực tài chính.

Trình tự thủ tục	1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị Chấp thuận mua bán đến EVN. 2. EVN có trách nhiệm xem xét, yêu cầu làm rõ Hồ sơ đề nghị Chấp thuận mua điện của Chủ đầu tư và có văn bản trả lời về việc EVN chấp thuận hay không chấp thuận mua điện của dự án.
Thời gian dự kiến	Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Chi phí	Không áp dụng



A.7	Ký quỹ
Mô tả	Theo Luật Đầu tư, Chủ đầu tư phải ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ngay sau khi nhận được Quyết định chủ trương Đầu tư. Quyết định chủ trương Đầu tư chỉ có giá trị sau khi Chủ đầu tư nộp khoản ký quỹ này. Việc ký quỹ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Cơ quan đăng ký đầu tư và Chủ đầu tư sau khi dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Mức ký quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên vốn đầu tư (không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và chi phí xây dựng các công trình công cộng theo khoản 4 của Nghị định 118/2015/ND-CP) của dự án đầu tư theo nguyên tắc lũy tiến từng phần như sau: a) Đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng, mức ký quỹ là 3%. b) Đối với phần vốn trên 300 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ là 2%. c) Đối với phần vốn trên 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ là 1%. Các dự án điện sinh khối thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư nên có thể được giảm 50% số tiền ký quỹ. Chủ đầu tư được hoàn trả tiền ký quỹ theo quy định tại khoản 8, điều 27, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã nhận được Quyết định chủ trương đầu tư
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, ngày 26/11/2014: Điều 42. • Nghị định số 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2015 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư: Điều 27. • Quy định ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Sở KH&ĐT. • Chủ đầu tư.

Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Quy trình thực hiện ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư điển hình: 1. Chủ đầu tư thực hiện thủ tục thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư với Sở KH&ĐT. (theo Biểu mẫu Văn bản thoả thuận ký quỹ). 2. Căn cứ trên văn bản thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư giữa Chủ đầu tư và Sở KH&ĐT, Chủ đầu tư nộp tiền ký quỹ vào tài khoản của Sở KH&ĐT mở tại ngân hàng thương mại. 3. Sau khi nộp tiền ký quỹ vào tài khoản của Sở KH&ĐT tại ngân hàng thương mại (Có giấy xác nhận của Ngân hàng Thương mại), Chủ đầu tư thông báo với Sở KH&ĐT. 4. Sở KH&ĐT thông báo về việc Chủ đầu tư đã thực hiện kỹ quỹ cho Sở TN&MT để xác nhận, làm cơ sở thực hiện các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Không áp dụng
Lưu ý	Quy trình thực hiện ký quỹ tại một số tỉnh được quy định khác nhau

A.8	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Mô tả	Báo cáo nghiên cứu khả thi (NCKT) đầu tư xây dựng là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, mức độ khả thi và hiệu quả của việc đầu tư xây dựng theo phương án thiết kế cơ sở được lựa chọn, làm cơ sở xem xét, quyết định đầu tư xây dựng. Việc lập Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng phải tuân theo quy định của Luật Xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Mỗi nội dung trong báo cáo NCKT sẽ được sử dụng để xin giấy phép/thỏa thuận và giấy chứng nhận cần thiết để phát triển dự án. Nội dung Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng được quy định theo Điều 54, Luật Xây dựng. Thông thường các nội dung này sẽ được biên chế thành các báo cáo như sau: 1. Thuyết minh Báo cáo NCKT 2. Thiết kế cơ sở (TKCS) 2.1. Thuyết minh TKCS 2.2. Bản vẽ TKCS 3. Các báo cáo chuyên ngành 3.1. Báo cáo phương án đấu nối 3.2. Báo cáo SCADA, Hệ thống thông tin, Rơ le bảo vệ và tự động 3.3. Báo cáo hệ thống đo đếm điện năng 3.4. Báo cáo PCCC 3.5. Báo cáo đánh giá tác động môi trường 3.6. Báo cáo di dân, đền bù, tái định cư Và một số báo cáo chuyên ngành khác (như báo cáo địa hình địa chất, báo cáo khí tượng thuỷ văn...)
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã nhận được Quyết định chủ trương đầu tư
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014: Điều 52, 54. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng: Điều 9.

Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư • Tư vấn
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Khoảng chín mươi (90) đến một trăm hai mươi (120) ngày tuỳ từng dự án cụ thể
Chi phí	Theo hợp đồng tư vấn lập báo cáo NCKT đầu tư xây dựng giữa Chủ đầu tư và tư vấn. Định mức chi phí tư vấn lập báo cáo NCKT có thể tham khảo tại Quyết định số 957/2009/QĐ-BXD, ngày 29/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.



A.8.1	Lập Báo cáo và thoả thuận phương án đấu nối
Mô tả	Thoả thuận phương án đấu nối là thoả thuận giữa Chủ đầu tư và đơn vị truyền tải điện hoặc đơn vị phân phối điện về phương án đấu nối nhà máy điện vào lưới điện truyền tải hoặc lưới điện phân phối. Đây là bước thứ 1 trong 3 bước Thoả thuận đấu nối bao gồm: Bước 1- Thoả thuận phương án đấu nối (chính là bước này). Bước 2- Thoả thuận TKKT đấu nối. Bước 3- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện. Thoả thuận phương án đấu nối được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt bổ sung QHPTĐL và trước khi Chủ đầu tư phê duyệt dự án. Văn bản thoả thuận phương án đấu nối gồm những nội dung chính như sau: 1. Quy mô công trình (Tổng công suất đặt và lượng điện dự kiến phát). 2. Ranh giới đo đếm mua bán điện. 3. Ranh giới, trách nhiệm đầu tư và cam kết về tiến độ triển khai. 4. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật. 5. Các phương án đấu nối thông tin và truyền dữ liệu. 6. Trách nhiệm đầu tư, quản lý vận hành của các bên. 7. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp các bên không tuân thủ trách nhiệm đầu tư, tiến độ triển khai. 8. Thời gian đấu nối dự kiến. 9. Các yêu cầu thoả thuận khác. 10. Yêu cầu Chủ đầu tư tiến hành thoả thuận đấu nối bước 2 sau khi phê duyệt TKKT. 11. Các bản vẽ minh hoạ.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã nhận được Quyết định chủ trương đầu tư

Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện truyền tải (cấp điện áp trên 110kV): » Thông tư số 25/2016/TT-BCT của Bộ CT ngày 30/11/2016 quy định hệ thống điện truyền tải. » Thông tư số 42/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 01/12/2015 quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện. » Quyết định số 1449/QĐ-EVNNPT của Tổng Công ty truyền tải điện quốc gia ngày 17/6/2015 về việc ban hành quy định nội dung, trình tự thỏa thuận đấu nối nhà máy điện vào lưới điện truyền tải. • Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện phân phối (cấp điện áp đến 110kV): » Thông tư số 39/2015/TT-BCT của Bộ CT ngày 18/11/2015 Quy định hệ thống điện phân phối.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Đơn vị truyền tải điện: Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện truyền tải. • Đơn vị phân phối điện: Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện phân phối.
Hồ sơ cần nộp	• Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện truyền tải, Chủ đầu tư gửi hồ sơ cho Đơn vị truyền tải điện, bao gồm: 1. Hồ sơ theo mẫu quy định tại các Phụ lục 2A, 2B, ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BCT. 2. Các tài liệu kỹ thuật về các trang thiết bị dự định đấu nối, thời gian dự kiến hoàn thành dự án, số liệu kinh tế - kỹ thuật của dự án đấu nối mới. • Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện phân phối, Chủ đầu tư gửi hồ sơ cho Đơn vị phân phối điện, bao gồm: 1. Thông tin đăng ký đấu nối tương ứng với nhu cầu đấu nối quy định tại các Phụ lục 2B, 2C, 2D ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BCT. 2. Sơ đồ nguyên lý các thiết bị điện chính sau điểm đấu nối. 3. Tài liệu kỹ thuật về các trang thiết bị dự định đấu nối hoặc các thay đổi dự kiến tại điểm đấu nối hiện tại, thời gian dự kiến hoàn thành dự án, số liệu kỹ thuật của dự án đấu nối mới hoặc thay đổi đấu nối hiện tại.

Trình tự thủ tục	• Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện truyền tải (Điều 43, Thông tư số 25/2016/TT-BCT và Điều 3, Quyết định số 1449/QĐ-EVNNPT): 1. Chủ đầu tư gửi Hồ sơ thoả thuận Phương án đấu nối cho Đơn vị truyền tải điện gồm bốn (04) bản in giấy và bản mềm. 2. Đơn vị truyền tải điện chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, đánh giá hồ sơ và dự thảo thoả thuận phương án đấu nối. • Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện phân phối (Điều 44, Thông tư số 39/2015/TT-BCT): 1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ cho Đơn vị phân phối. 2. Đơn vị phân phối điện có trách nhiệm kiểm tra và thông báo bằng văn bản về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. 3. Đơn vị phân phối điện chủ trì và phối hợp với Cấp điều độ xem xét, đánh giá hồ sơ và dự thảo thoả thuận Phương án đấu nối.
Thời gian dự kiến	• Đối với dự án năng lượng sinh khối đấu nối vào lưới điện truyền tải: năm mươi (50) ngày làm việc (Điều 44, Thông tư số 25/2016/TT-BCT và Điều 3, Quyết định số 1449/QĐ-EVNNPT). • Đối với dự án năng lượng sinh khối đấu nối vào lưới điện phân phối: không quá hai mươi lăm (25) ngày làm việc (Điều 45, Thông tư số 39/2015/TT-BCT).



A.8.2	**Lập Báo cáo và thoả thuận Hệ thống SCADA/EMS (SCADA/DMS), Hệ thống thông tin điều độ, Rơ le bảo vệ và tự động**
Mô tả	Thoả thuận SCADA/EMS (SCADA/DMS) là thoả thuận giữa Chủ đầu tư và đơn vị điều độ hệ thống điện về thiết kế kỹ thuật hệ thống SCADA/EMS (SCADA/DMS). Thỏa thuận này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng mua bán điện mẫu và là một trong những nội dung chính trong việc đàm phán, ký kết HĐMBĐ. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm đầu tư thiết bị trong phạm vi nhà máy điện, trạm điện; đầu tư thiết bị viễn thông, thiết lập kênh truyền từ hệ thống SCADA/EMS (SCADA/DMS) của A0/PC đến nhà máy điện, trạm điện theo đúng thiết kế đã được thoả thuận; quản lý vận hành thiết bị và kênh truyền kết nối thông tin và dữ liệu với các hệ thống trên của A0/PC.
Điều kiện áp dụng	• Tất cả các dự án điện sinh khối có công suất đặt từ 10 MW trở lên. • Tất cả các dự án điện sinh khối có công suất đặt nhỏ hơn 10 MW mà có đấu nối vào lưới điện cấp điện áp 110kV.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Quyết định số 246/QĐ-EVN ngày 26/4/2014 của EVN về việc ban hành quy chế đàm phán, ký kết và thực hiện HĐMBĐ các dự án điện: Điều 15. • Thông tư số 25/2016/TT-BCT của Bộ CT ngày 30/11/2016 quy định hệ thống điện truyền tải. • Thông tư số 42/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 01/12/2015 quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện. • Thông tư số 39/2015/TT-BCT của Bộ CT ngày 18/11/2015 Quy định hệ thống điện phân phối.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia (A0). • Tổng Công ty Điện lực (PC).
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị Thỏa thuận SCADA/EMS (SCADA/DMS), Hệ thống thông tin điều độ, rơ le bảo vệ và tự động bao gồm: 1. Văn bản đề nghị Thỏa thuận SCADA/EMS (SCADA/DMS), Hệ thống thông tin điều độ, rơ le bảo vệ và tự động trong dự án của nhà máy.

	2. Thiết kế sơ bộ hệ thống điều khiển nhà máy điện, rơ le bảo vệ và tự động nhà máy điện và trạm điện. 3. Phương án kết nối hệ thống điều khiển của nhà máy điện với các Trung tâm Điều độ.
Trình tự thủ tục	1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị Thoả thuận đến A0/PC. 2. A0/PC tiến thành thẩm định và ban hành thỏa thuận với Chủ đầu tư về hệ thống SCADA/EMS (SCADA/DMS), hệ thống thông tin điều độ, rơ le bảo vệ và tự động.
Thời gian dự kiến	Trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.



A.8.3	Lập Báo cáo và thoả thuận Đo đếm điện năng
Mô tả	Thỏa thuận đo đếm điện năng là thoả thuận giữa Chủ đầu tư dự án điện sinh khối và đơn vị mua điện về TKKT hệ thống đo đếm điện năng giao nhận điện và hệ thống đo các thông số môi trường sử dụng trong thanh toán tiền điện (nếu có). Thoả thuận đo đếm là một phần không thể tách rời của HĐMBĐ và cũng là một trong những nội dung chính trong việc đàm phán, ký kết HĐMBĐ.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã có Quyết định chủ trương đầu tư.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Thông tư số 42/2015/TT-BCT ngày 01/12/2015 của Bộ CT quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện. • Quyết định số 246 /QĐ-EVN ngày 26/4/2014 của EVN về việc ban hành quy chế đàm phán, ký kết và thực hiện HĐMBĐ các dự án điện: Điều 16. • Quyết định số 1232/QĐ-EVN ngày 21/2/2011 quy định về quản lý hệ thống đo đếm tại điểm ranh giới đo đếm.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Công ty mua bán điện (EPTC). • Tổng công ty Điện lực (PC).
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị Thỏa thuận đo đếm bao gồm: 1. Thuyết minh của Chủ đầu tư về hệ thống đo đếm: giới thiệu chung về nhà máy và thông số chính của nhà máy, mô tả về vị trí đo đếm, lựa chọn thông số thiết bị đo đếm và tính đáp ứng của thiết bị, các giải pháp đấu nối mạch đo đếm, giải pháp thu thập và truyền dữ liệu công tơ từ xa, hệ thống niêm phong kẹp chì…và các công nghệ liên quan đến việc thanh toán tiền điện (như nhiệt độ môi trường, nhiệt độ nước tuần hoàn, các thông số nhiên liệu…) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hợp lệ. 2. Các bản vẽ liên quan: Bao gồm sơ đồ nguyên lý hệ thống đo đếm trong sơ đồ một sợi của nhà máy điện hoặc trạm biến áp - nơi đặt hệ thống đo đếm, sơ đồ mặt bằng nhà máy điện hoặc trạm biến áp thể hiện ví trí bố trí thiết bị đấu nối mạch nhị thứ đo đếm tại hộp đấu dây CT, VT, hàng kẹp tủ đấu dây, tủ trung gian và các thiết bị block thử nghiệm, tủ công tơ, các vị trí khoá và niêm phong, kẹp chì… 3. Các văn bản: Văn bản đề nghị Thoả thuận đo đếm của Chủ đầu tư, văn bản Thoả thuận đấu nối của NPT/PC.

Trình tự thủ tục	• Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị Thoả thuận đo đếm đến EPTC/PC. • EPTC/PC thẩm định phương án thiết kế hệ thống đo đếm và có văn bản Thỏa thuận đo đếm với Chủ đầu tư.
Thời gian dự kiến	Trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Chi phí	Không áp dụng



A.8.4	Lập Báo cáo và thẩm duyệt thiết kế Phòng cháy chữa cháy
Mô tả	Dự án điện sinh khối thuộc mọi nguồn vốn đầu tư phải tuân theo các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy. Việc lập dự án, thiết kế công trình phòng cháy và chữa cháy phải do đơn vị tư vấn thiết kế có đủ năng lực và tư cách pháp nhân thực hiện. Báo cáo dự án, thiết kế công trình phòng cháy và chữa cháy phải được cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt. Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là việc kiểm tra, đối chiếu các giải pháp, nội dung thiết kế dự án, công trình, có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về phòng cháy và chữa cháy được phép áp dụng tại Việt Nam. Kết quả thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là một trong những căn cứ để xem xét, phê duyệt dự án và cấp giấy phép xây dựng.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã có Quyết định chủ trương đầu tư
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ban hành ngày 12/7/2001. • Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13, ngày 22/11/2013. • Nghị định số 79/2014/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/7/2014 phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng Cháy và Chữa Cháy. • Thông tư số 66/2014/TT-BCA của Bộ Công an ngày 16/12/2014 về chi tiết việc thực hiện một số điều của nghị định số 79/2014/NĐ-CP. • Thông tư số 150/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 10/10/2014 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư • Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với: 1. Dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm A (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư).

	2. Dự án, công trình có chiều cao từ 100m trở lên. 3. Dự án đầu tư xây dựng công trình do Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh hoặc chủ đầu tư đề nghị. • Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với: 1. Dự án đầu tư xây dựng công trình không thuộc thẩm quyền của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn quản lý. 2. Những trường hợp do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ủy quyền.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy gồm hai (02) bộ, có xác nhận của chủ đầu tư, nếu hồ sơ bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch phần thuyết minh ra tiếng Việt kèm theo, cụ thể như sau: Đối với thiết kế cơ sở, hồ sơ gồm: 1. Văn bản đề nghị xem xét, cho ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư (nếu ủy quyền cho một đơn vị khác thực hiện thì phải có văn bản ủy quyền kèm theo). 2. Bản sao văn bản cho phép đầu tư của cấp có thẩm quyền. 3. Dự toán tổng mức đầu tư dự án, công trình. 4. Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế cơ sở thể hiện những nội dung yêu cầu về giải pháp phòng cháy và chữa cháy quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6, Điều 13, Nghị định số 79/2014/NĐ-CP. Đối với thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, hồ sơ gồm: 1. Văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư (nếu ủy quyền cho một đơn vị khác thực hiện thì phải có văn bản ủy quyền kèm theo). 2. Bản sao văn bản chấp thuận quy hoạch của cấp có thẩm quyền. 3. Dự toán tổng mức đầu tư dự án, công trình. 4. Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công thể hiện những nội dung yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6, Điều 13, Nghị định số 79/2014/NĐ-CP.

Trình tự thủ tục	1. Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của dự án. 2. Đối với hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về giải pháp phòng cháy và chữa cháy.
Thời gian dự kiến	Thời hạn thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được tính kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau: • Thiết kế cơ sở: Không quá mười (10) ngày làm việc đối với dự án nhóm A; không quá năm (05) ngày làm việc đối với dự án nhóm B và C. • Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: Không quá mười lăm (15) ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm A; không quá mười (10) ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm B và C.
Chi phí	Áp dụng theo Thông tư số 150/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 10/10/2014 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.



A.8.5	Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường
Mô tả	Đánh giá tác động môi trường là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó. Chủ đầu tư tự thực hiện trong trường hợp có năng lực được chứng nhận bởi các cấp có thẩm quyền hoặc thuê tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường. Nội dung chính của báo cáo đánh giá tác động môi trường: 1. Xuất xứ của dự án, chủ dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án; phương pháp đánh giá tác động môi trường. 2. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường. 3. Đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội nơi thực hiện dự án, vùng lân cận và thuyết minh sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án. 4. Đánh giá, dự báo các nguồn thải và tác động của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. 5. Đánh giá, dự báo, xác định biện pháp quản lý rủi ro của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. 6. Biện pháp xử lý chất thải. 7. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. 8. Kết quả tham vấn. 9. Chương trình quản lý và giám sát môi trường. 10. Dự toán kinh phí xây dựng công trình bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường. 11. Phương án tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Kết quả thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong những căn cứ để xem xét, phê duyệt dự án, giao đất thực hiện dự án và cấp giấy phép xây dựng.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã có Quyết định chủ trương đầu tư.

Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ban hành ngày 23/06/2014: Điều 18, Điều 19, Điều 22. • Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/2/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường: Chương IV. • Thông tư 27/2015/TT-BTNMT của Bộ TN&MT ngày 29/5/2015, về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường: Điều 6. • Thông tư 218/2010/TT-BTC, của Bộ Tài chính ngày 29/12/2010 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Sở TN&MT. • UBND tỉnh: tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn mà không thuộc Dự án nhóm A hoặc Dự án trọng điểm quốc gia.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm: 1. Một (01) văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.1 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT. 2. Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn bảy (07) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường. Hình thức trang bìa, trang phụ bìa và yêu cầu về cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục 2.2 và 2.3 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT. 3. Một (01) bản báo cáo NCKT đầu tư xây dựng. Hồ sơ đề nghị Phê duyệt gồm: 1. Một (01) văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của hội đồng thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung. 2. Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang báo cáo kể cả phụ lục (trừ trang bìa thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.2 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT) với số lượng đủ để gửi tới các địa chỉ quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT

	kèm theo một (01) đĩa CD trên đó chứa một (01) tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".doc" chứa nội dung của báo cáo và một (01) tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".pdf" chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (kể cả phụ lục).
Trình tự thủ tục	1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị thẩm định tới UBND tỉnh/Sở TN&MT. 2. Việc thẩm định hồ sơ được thực hiện thông qua hội đồng thẩm định. 3. Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. 4. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường do chủ dự án gửi đến, thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. 5. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt cơ quan thẩm định phải có văn bản nêu rõ lý do. 6. Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi quyết định phê duyệt và báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi xác nhận đến chủ dự án và các cơ quan liên quan.
Thời gian dự kiến	• Thời gian thẩm định Hồ sơ đề nghị thẩm định: không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. • Thời hạn ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
Chi phí	Áp dụng theo Thông tư 218/2010/TT-BTC, của Bộ Tài chính ngày 29/12/2010 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

A.9	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Mô tả	Dự án điện sinh khối phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định trước khi quyết định đầu tư. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng gồm thẩm định thiết kế cơ sở và nội dung khác của Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở gồm: 1. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến; (Công trình xây dựng theo tuyến là công trình xây dựng kéo dài theo phương ngang, như đường bộ, đường sắt, đường dây tải điện, đường cáp viễn thông, đường ống dẫn dầu, dẫn khí, cấp thoát nước, các công trình khác – 64/2012/NĐ-CP). 2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực. 3. Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ. 4. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ. 5. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế. 6. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế. 7. Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở. Các nội dung khác của Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng được thẩm định gồm: 1. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng gồm sự phù hợp với chủ trương đầu tư, khả năng đáp ứng nhu cầu tăng thêm về quy mô, công suất, năng lực khai thác sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ. 2. Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án gồm sự phù hợp về Quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất, giải phóng mặt bằng xây dựng; nhu cầu sử dụng tài nguyên (nếu có), việc bảo đảm các yếu tố đầu vào và đáp ứng các đầu ra của sản phẩm dự án; giải pháp tổ chức thực hiện; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; các giải pháp bảo vệ môi trường; phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác. 3. Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án gồm tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện dự án; chi phí khai thác vận hành; khả năng huy động vốn theo tiến độ, phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối đã đạt được các thỏa thuận, phê duyệt theo như nêu tại các bước A.8.1, A.8.2, A.8.3, A.8.4, A.8.5
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014: Điều 56, 57, 58, 59. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng: Điều 10, Điều 11, Điều 76, Phụ lục II. • Thông tư 176/2011/TT-BTC ngày 05/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng chi phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng. • Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2016.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Bộ CT: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án điện sinh khối cấp đặc biệt, cấp I (quy mô công suất > 30 MW). • Sở CT: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án điện sinh khối từ cấp II trở xuống (quy mô công suất ≤ 30 MW). • Cơ quan chuyên môn trực thuộc Chủ đầu tư: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ và các nội dung khác của Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng gồm: 1. Tờ trình thẩm định dự án của chủ đầu tư (theo mẫu quy định tại Phụ lục II, Nghị định 59/2015/NĐ-CP). 2. Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng (bước A.8). 3. Các tài liệu, văn bản có liên quan.
Trình tự thủ tục	1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ Thiết kế cơ sở của dự án đến cơ quan chuyên môn và Bộ CT (nếu quy mô công suất dự án > 30 MW) hoặc Sở CT (nếu quy mô công suất dự án ≤ 30 MW) để thẩm định. 2. Trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ dự án, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo hồ sơ đến các cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của bằng văn bản trong thời hạn quy định. Nếu quá thời hạn quy định,

	các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến về thiết kế cơ sở và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình. 3. Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp đơn vị tư vấn thẩm tra, trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng và người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định dự án, thiết kế cơ sở. 4. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm tổ chức thẩm định theo cơ chế một cửa liên thông đảm bảo đúng nội dung và thời gian theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và Nghị định 59 về quản lý dự án xây dựng.
Thời gian dự kiến	Thời gian thẩm định dự án được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau: 1. Thời gian thẩm định dự án không quá chín mươi (90) ngày đối với dự án quan trọng quốc gia. 2. Thời gian thẩm định dự án không quá bốn mươi (40) ngày đối với dự án nhóm A. 3. Thời gian thẩm định dự án không quá ba mươi (30) ngày đối với dự án nhóm B. 4. Thời gian thẩm định dự án không quá hai mươi (20) ngày đối với dự án nhóm C và dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng. Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan, tổ chức thẩm định phải báo cáo cơ quan cấp trên xem xét, quyết định việc gia hạn; thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 nêu trên. Thời hạn thẩm định thiết kế cơ sở: 1. Không quá sáu mươi (60) ngày đối với dự án quan trọng quốc gia. 2. Không quá ba mươi (30) ngày đối với dự án nhóm A. 3. Không quá hai mươi (20) ngày đối với dự án nhóm B. 4. Không quá mười lăm (15) ngày đối với dự án nhóm C.
Chi phí	Theo Thông tư 176/2011/TT-BTC ngày 05/12/2011.

A.10	Phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng
Mô tả	Sau khi nhận được công văn thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chức năng, Chủ đầu tư dựa trên các phân tích về các giải pháp công nghệ, hiệu quả kinh tế - tài chính của dự án được thể hiện trong Báo cáo NCKT để đưa ra quyết định có đầu tư xây dựng dự án hay không. Quyết định đầu tư xây dựng là cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai các bước tiếp theo của dự án như giải phóng mặt bằng, vay vốn, đàm phán và ký kết HĐMBĐ... Nội dung chủ yếu của quyết định đầu tư xây dựng gồm: 1. Tên dự án. 2. Chủ đầu tư. 3. Tổ chức tư vấn lập dự án, khảo sát (nếu có), lập thiết kế cơ sở. 4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng, tiến độ thực hiện dự án. 5. Công trình xây dựng chính, các công trình xây dựng và cấp công trình thuộc dự án. 6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng. 7. Thiết kế cơ sở, thiết kế công nghệ (nếu có), quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng được lựa chọn. 8. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có), vận hành sử dụng công trình; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, phương án bảo vệ môi trường (nếu có), phòng chống cháy nổ. 9. Tổng mức đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn sử dụng theo tiến độ. 10. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới nằm trong QHPTĐL đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định TKCS.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014: Điều 60. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng, Điều 12.

Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Không áp dụng



A.11	Đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán điện (HĐMBĐ)
Mô tả	Đối với các dự án điện sinh khối nối lưới, việc mua bán điện giữa Bên bán điện và Bên mua điện được thực hiện thông qua Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối nối lưới. Nội dung HĐMBĐ cho các dự án điện sinh khối nối lưới quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 44/2015/TT-BCT. Bên bán điện và Bên mua điện được bổ sung nội dung của HĐMBĐ để làm rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bên nhưng không được làm thay đổi nội dung cơ bản của Hợp đồng mua bán điện mẫu. Thời hạn HĐMBĐ cho các dự án điện sinh khối nối lưới là hai mươi (20) năm kể từ ngày vận hành thương mại. Sau 20 năm, hai Bên có thể gia hạn hợp đồng hoặc ký hợp đồng mới theo quy định của pháp luật hiện hành. Giá bán điện của các dự án điện sinh khối nối lưới: • Đối với các dự án đồng phát nhiệt - điện: 1.220 đồng/kWh (chưa bao gồm VAT, tương đương 5,8 US-cents/kWh). Giá bán điện được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng/USD. • Đối với các dự án điện sinh khối khác: theo biểu giá chi phí tránh được áp dụng cho các dự án điện sinh khối do Bộ CT công bố hàng năm.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã được thẩm định TKCS và Chủ đầu tư phê duyệt
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Quyết định số 246/QĐ-EVN ngày 26/4/2014 của EVN về việc ban hành quy chế đàm phán, ký kết và thực hiện HĐMBĐ các dự án điện. • Thông tư 44/2015/TT-BCT ngày 09/12/2015 của Bộ CT quy định về phát triển dự án, biểu giá chi phí tránh được và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối. • Quyết định 24/2014/QĐ-TTg ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam. • Biểu giá chi phí tránh được áp dụng cho các dự án điện sinh khối do Bộ CT ban hành hàng năm: QĐ 942/QĐ-BCT ngày 11/3/2016 của Bộ CT ban hành biểu giá chi phí tránh được áp dụng cho các dự án điện sinh khối năm 2016.

Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Tổng cục Năng lượng, Bộ CT. • Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). • Cục Điều tiết điện lực. • Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ trình duyệt HĐMBĐ: 1. Công văn đề nghị phê duyệt HĐMBĐ. 2. Bản sao công chứng các văn bản phê duyệt của cơ quan liên quan về phát triển dự án (VD: kế hoạch nguồn điện và lưới điện, nếu nhà máy do UBND tỉnh phê duyệt thì cần gửi kèm theo phê duyệt của BCT; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép liên quan...) 3. Thông tin cơ bản của Chủ đầu tư chứng minh tư cách pháp nhân, đăng ký kinh doanh, năng lực và kinh nghiệm về phát triển dự án, năng lực tài chính... 4. Thỏa thuận đấu nối. 5. Thỏa thuận đo đếm điện năng. 6. Thỏa thuận SCADA/EMS (SCADA/DMS). 7. Thỏa thuận hệ thống rơ-le bảo vệ. 8. Văn bản chấp thuận mua điện giữa EVN và Chủ đầu tư.
Trình tự thủ tục	Các nội dung đàm phán, ký kết HĐMBĐ của các dự án nhà máy điện bao gồm: 1. Chấp thuận mua điện giữa EVN và Chủ đầu tư. 2. Thỏa thuận đấu nối giữa NPT/PC và Chủ đầu tư. 3. Thỏa thuận SCADA/EMS (SCADA/DMS), Hệ thống thông tin điều độ, rơ le bảo vệ và tự động. 4. Thỏa thuận đo đếm giữa EPTC/PC và Chủ đầu tư. 5. Đàm phán và ký tắt HĐMBĐ giữa EPTC/PC và Chủ đầu tư. 6. Ký chính thức HĐMBĐ giữa EVN/PC và Chủ đầu tư. Việc đàm phán HĐMBĐ có thể thực hiện lần lượt hoặc đồng thời các nội dung từ điểm 1 đến điểm 5 nêu trên. Việc ký kết chính thức HĐMBĐ chỉ có thể được thực hiện khi tất cả thỏa thuận từ 1 đến 5 được ký kết.

Thời gian dự kiến	Trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ khi chủ đầu tư có văn bản đề nghị bán điện, Bên mua phải tiến hành ký kết HĐMBĐ với bên bán điện theo quy định.



A.12	Chuẩn bị hồ sơ xin vay vốn
Mô tả	Tại bước này, Chủ đầu tư sẽ chuẩn bị hồ sơ đệ trình cho ngân hàng để có được nguồn tài chính cần thiết để phát triển dự án. Chủ đầu tư có thể tham khảo một cố vấn tài chính trong nước trong việc lập hồ sơ vay vốn. Yêu cầu của hồ sơ vay vốn dự án có thể khác nhau tùy từng ngân hàng. Một hồ sơ thẩm định dự án điển hình bao gồm các tài liệu qui định trong "hồ sơ đệ trình" dưới đây. Trong trường hợp tiếp cận với vốn vay thương mại thông thường, Chủ đầu tư có thể liên hệ với những Ngân hàng Cổ phần thương mại tại Việt Nam như Vietcombank, Vietinbank, Techcombank hoặc ACB… Đây là những Ngân hàng đã có kinh nghiệm cho vay những Dự án về Năng lượng. Tuy nhiên, các điều kiện, yêu cầu cho vay cũng như mức lãi suất tín dụng của những ngân hàng này sẽ khác nhau.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nối lưới đã ký HĐMBĐ
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Không áp dụng
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Các ngân hàng liên quan.
Hồ sơ cần nộp	1. Mẫu hồ sơ nộp ngân hàng • Mẫu đơn xin cấp tín dụng dự án • Mẫu thông tin của người vay • Báo cáo về mối quan hệ tài chính với các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác 2. Hồ sơ của Chủ đầu tư 2.1. Hồ sơ pháp lý • Giấy đăng ký kinh doanh/chứng nhận đầu tư, các tài liệu khác yêu cầu như trong giấy phép • Điều lệ doanh nghiệp của bên nộp hồ sơ • Quyết định bổ nhiệm tổng giám đốc, kế toán trưởng (đại diện pháp lý của bên nộp hồ sơ) 2.2. Hồ sơ tài chính • Báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, bản báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo dòng tiền) • Hồ sơ liên quan tới vốn đầu tư và đóng góp của các cổ đông

Hồ sơ cần nộp	2.3. Hồ sơ đánh giá tài sản thế chấp • Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu các tài sản khác. • Thỏa thuận của đồng chủ sở hữu để sử dụng tài sản làm bảo lãnh ngân hàng. 3. Hồ sơ đầu tư dự án • Giấy chứng nhận đầu tư • Phê duyệt kế hoạch xây dựng dự án điện hoặc giấy phép xây dựng • Báo cáo đầu tư của dự án • Bản sao giấy xác nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê đất của dự án • Báo cáo đánh giá tác động môi trường • Phê duyệt của cơ quan nhà nước về các giải pháp phòng cháy chữa cháy • Cam kết bảo hiểm • Các tài liệu khác liên quan (nếu có)
Trình tự thủ tục	1. Chủ đầu tư chuẩn bị hồ sơ vay vốn để đề xuất với ngân hàng/tổ chức tài chính một khoản tài chính cần thiết để phát triển dự án. 2. Tổ chức tài chính sẽ thực hiện việc đánh giá năng lực của Chủ đầu tư trong việc phát triển dự án. 3. Nếu ngân hàng/tổ chức tài chính đồng ý tài trợ cho dự án, ngân hàng/tổ chức tài chính sẽ chuyển hồ sơ xin vay vốn tới ban tín dụng tương ứng để phê duyệt. Thỏa thuận vay vốn hoặc tín dụng sẽ được cung cấp cho Chủ đầu tư.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Phí hành chính theo qui định

A.13.1	Lập báo cáo thiết kế kỹ thuật
Mô tả	Thiết kế kỹ thuật là bước thứ 2 trong thiết kế xây dựng đối với dự án có yêu cầu thiết kế ba bước. Đối với dự án có yêu cầu thiết kế 1 bước hoặc 2 bước thì không thực hiện báo cáo này. Thiết kế kỹ thuật phải phù hợp với nội dung, thông số chủ yếu của Thiết kế cơ sở. Nội dung chủ yếu của thiết kế kỹ thuật bao gồm: 1. Phương án kiến trúc. 2. Phương án công nghệ (nếu có). 3. Công năng sử dụng. 4. Thời hạn sử dụng và quy trình vận hành, bảo trì công trình. 5. Phương án kết cấu, loại vật liệu chủ yếu. 6. Chỉ dẫn kỹ thuật. 7. Phương án phòng, chống cháy, nổ. 8. Phương án sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. 9. Giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. 10. Dự toán xây dựng phù hợp với bước thiết kế xây dựng.
Điều kiện áp dụng	Đối với dự án có yêu cầu thiết kế 3 bước (bao gồm TKCS, TKKT, TKBVTC)
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư/Tư vấn
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Khoảng chín mươi (90) – một trăm hai mươi (120) ngày tuỳ từng dự án
Chi phí	Theo hợp đồng tư vấn lập báo cáo TKKT giữa Chủ đầu tư và tư vấn. Định mức chi phí tư vấn lập báo cáo TKKT có thể tham khảo tại Quyết định số 957/2009/QĐ-BXD, ngày 29/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

A.13.2	Thẩm định báo cáo thiết kế kỹ thuật
Mô tả	Cơ quan có thẩm quyền chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật đối với các dự án có thiết kế 3 bước. Nội dung thẩm định thiết kế kỹ thuật và dự toán xây dựng bao gồm: 1. Sự phù hợp của thiết kế kỹ thuật so với thiết kế cơ sở. 2. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình. 3. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình. 4. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận. 5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ. 6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ. 7. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; xác định giá trị dự toán công trình. 8. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng.
Điều kiện áp dụng	Đối với dự án có yêu cầu thiết kế 3 bước (bao gồm TKCS, TKKT, TKBVTC)
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng. • Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Bộ CT: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật của dự án điện sinh khối cấp đặc biệt, cấp I (quy mô công suất > 30 MW). • Sở CT: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật của dự án điện sinh khối từ cấp II trở xuống (quy mô công suất ≤ 30 MW).
Hồ sơ cần nộp	Chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế kỹ thuật tới cơ quan chuyên môn và Bộ CT (nếu quy mô công suất >30MW) hoặc Sở CT (nếu quy mô công suất <30MW) để thẩm định, gồm:

Hồ sơ cần nộp	1. Tờ trình thẩm định thiết kế theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP. 2. Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan. 3. Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình. 4. Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có). 5. Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng.
Trình tự thủ tục	1. Sau khi nhận được hồ sơ, Bộ CT/Sở CT chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật 2. Bộ CT/Sở CT có trách nhiệm tổ chức thẩm định các nội dung của thiết kế kỹ thuật. Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định từng phần thiết kế xây dựng, thiết kế công nghệ, dự toán xây dựng công trình để phục vụ công tác thẩm định của mình. 3. Trong quá trình thẩm định thiết kế kỹ thuật, Bộ CT/Sở CT có trách nhiệm yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật.
Thời gian dự kiến	Thời gian thẩm định thiết kế kỹ thuật tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: • Không quá bốn mươi (40) ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt. • Không quá ba mươi (30) ngày đối với công trình cấp II và cấp III. • Không quá hai mươi (20) ngày đối với các công trình còn lại.
Chi phí	Áp dụng theo Thông tư số 75/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 12/6/2014 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng.

A.13.3	Phê duyệt báo cáo thiết kế kỹ thuật
Mô tả	Dựa trên kết quả thẩm định của cơ quan chức năng, Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật dự án. Nội dung phê duyệt thiết kế kỹ thuật bao gồm: 1. Các thông tin chung về công trình: Tên công trình, hạng mục công trình (nêu rõ loại và cấp công trình), chủ đầu tư, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình; địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất. 2. Quy mô, công nghệ, các thông số kỹ thuật và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của công trình. 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng. 4. Các giải pháp thiết kế chính của hạng mục công trình và toàn bộ công trình. 5. Dự toán xây dựng công trình. 6. Những yêu cầu phải hoàn chỉnh bổ sung hồ sơ thiết kế và các nội dung khác (nếu có).
Điều kiện áp dụng	Đối với dự án có thiết kế 3 bước (bao gồm TKCS, TKKT, TKBVTC)
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư • Nhà thầu và tư vấn thiết kế
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Không áp dụng

A.13.4	Thoả thuận thiết kế kỹ thuật đấu nối
Mô tả	Thoả thuận TKKT đấu nối là thoả thuận giữa Chủ đầu tư và đơn vị truyền tải điện hoặc đơn vị phân phối điện về TKKT đấu nối nhà máy điện vào lưới điện truyền tải hoặc lưới điện phân phối. Đây là bước thứ 2 trong 3 bước Thoả thuận đấu nối (bao gồm: Bước 1- Thoả thuận phương án đấu nối; Bước 2- Thoả thuận TKKT đấu nối; Bước 3- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện). Thoả thuận TKKT đấu nối được thực hiện sau khi chủ đầu tư đã phê duyệt thiết kế kỹ thuật và trước khi tổ chức đấu thầu mua sắm thiết bị của nhà máy điện. Các nội dung chính của thoả thuận TKKT đấu nối bao gồm: 1. Điểm đấu nối, giải pháp kỹ thuật đấu nối. 2. Phối hợp rơ le bảo vệ và kết nối đường truyền thông tin cho rơ le bảo vệ. 3. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc phục vụ điều độ và kết nối với hệ thống SCADA/EMS (SCADA/DMS). 4. Yêu cầu về cấp điện thử nghiệm (thời gian, cấp điện áp, phương án). 5. Các bản vẽ minh hoạ.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nối lưới đã được chủ đầu tư phê duyệt TKKT
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện truyền tải: » Thông tư số 25/2016/TT-BCT của Bộ CT ngày 30/11/2016 quy định hệ thống điện truyền tải. » Quyết định số 1449/QĐ-EVNNPT của Tổng Cty truyền tải điện quốc gia ngày 17/6/2015 về việc Ban hành quy định nội dung, trình tự thỏa thuận đấu nối nhà máy điện vào lưới điện truyền tải. • Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện phân phối: » Thông tư số 39/2015/TT-BCT của Bộ CT ngày 18/11/2015 Quy định hệ thống điện phân phối.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Đơn vị truyền tải điện: Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện truyền tải. • Đơn vị phân phối điện: Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện phân phối.

Hồ sơ cần nộp	• Đối với dự án năng lượng sinh khối đấu nối vào lưới điện truyền tải, Chủ đầu tư gửi hồ sơ cho Đơn vị truyền tải điện, bao gồm: 1. Hồ sơ theo mẫu quy định tại các Phụ lục 2A, 2B, ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BCT. So với bước Thoả thuận phương án đấu nối, các nội dung này đã được cập nhật trên cơ sở TKKT của nhà máy điện đã được duyệt. 2. TKKT đấu nối. • Đối với dự án năng lượng sinh khối đấu nối vào lưới điện phân phối, Chủ đầu tư gửi hồ sơ cho Đơn vị phân phối điện, bao gồm: 1. Hồ sơ theo mẫu quy định tại các Phụ lục 2B, 2C, 2D ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BCT. So với bước Thoả thuận phương án đấu nối, các nội dung này đã được cập nhật trên cơ sở TKKT của nhà máy điện đã được duyệt. 2. TKKT đấu nối.
Trình tự thủ tục	• Chủ đầu tư gửi Hồ sơ thoả thuận TKKT đấu nối đến Đơn vị truyền tải điện/Đơn vị phân phối điện. • Đơn vị truyền tải điện/Đơn vị phân phối điện chủ trì và phối hợp với các Ban/đơn vị liên quan tổ chức thẩm tra hồ sơ và ban hành văn bản thoả thuận TKKT đấu nối.
Thời gian dự kiến	• Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện truyền tải: năm mươi (50) ngày làm việc (Điều 44 Thông tư số 25/2016/TT-BCT và Điều 3 Quyết định số 1449/QĐ-EVNNPT). • Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện phân phối: không quá hai mươi lăm (25) ngày làm việc (Điều 45 Thông tư số 39/2015/TT-BCT).
Chi phí	Không áp dụng

A.14	Đấu thầu thi công xây dựng và mua sắm thiết bị nhà máy điện
Mô tả	Sau khi dự án đã được quyết định đầu tư và thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật (đối với dự án có yêu cầu thiết kế 3 bước) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư có thể tiến hành đấu thầu thi công xây dựng và mua sắm thiết bị nhằm lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Một số hình thức lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và mua sắm thiết bị cho dự án nhà máy điện sinh khối có thể được áp dụng, bao gồm: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu. Để triển khai xây dựng nhà máy điện, Chủ đầu tư có thể phân chia dự án thành 1 hoặc nhiều gói thầu tương ứng với một phần hoặc toàn bộ dự án bao gồm: • Thiết kế và cung cấp hàng hóa (EP). • Thiết kế và xây lắp (EC). • Cung cấp hàng hóa và xây lắp (PC). • Thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (EPC). • Lập dự án, thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (chìa khóa trao tay).
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nối lưới đã được quyết định đầu tư và thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật (đối với dự án có yêu cầu thiết kế 3 bước) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, ngày 26/11/2013; • Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/6/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng: Điều 23. • Thông tư số 11/2016/TT-BKHĐT ngày 26/7/2016 của Bộ KH&ĐT về hướng dẫn lập hồ sơ mời thầu thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng

Trình tự thủ tục	Trình tự thực hiện đấu thầu bao gồm các bước chuẩn bị đấu thầu, tổ chức đấu thầu, đánh giá Hồ sơ dự thầu, thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu, thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng.
Chi phí	Chi phí được nêu rõ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP: • Chi phí lập HSMT/HSYC: khoảng 0,1% giá trị gói thầu. • Chi phí thẩm định HSMT/HSYC: khoảng 0,05% giá trị gói thầu. • Chi phí đánh giá HSDT/HSĐX: khoảng 0,1% giá trị gói thầu. • Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: khoảng 0,05% giá trị gói thầu. • Các chi phí nói trên có giá trị tối thiểu là 1.000.000 VNĐ và tối đa là 50.000.000 VNĐ.



A.15	Giải phóng mặt bằng
Mô tả	Dựa trên diện tích mặt bằng được quy định trong quyết định chủ trương đầu tư và/hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Chủ đầu tư phối hợp với tổ chức dịch vụ công về đất đai sẽ tiến hành kiểm đếm diện tích đất sẽ sử dụng cho nhà máy và khu vực liên quan như đường vận hành, trạm biến áp… để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Về cơ bản, thủ tục để tiến hành thu hồi, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai bao gồm các nội dung sau: 1. Diện dích của từng loại đất sẽ được sử dụng. 2. Số người dự kiến sử dụng đất trong khu vực mặt bằng liên quan. 3. Chi phí bồi thường dự kiến đối với từng loại đất và vị trí của từ loại đất này. 4. Kế hoạch tái định cư (dự kiến số lượng gia đình, địa điểm và phương án tái định cư). 5. Tổng chi phí bồi thường và tái định cư dự kiến; và nguồn tài chính. 6. Các bước chính trong giải phóng mặt bằng. Báo cáo khảo sát sẽ được xác nhận bởi người sử dụng đất và Ủy ban nhân dân xã. Sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng, chủ đầu tư sẽ được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của chủ đầu tư.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nối lưới đã ký HĐMBĐ
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ban hành ngày 20/11/2013: Điều 4, Điều 62, Điều 69, Điều 126. • Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. • Thông tư 37/2014/TT-BTNMT của BTNMT ban hành ngày 30/06/2014 quy định chi tiết về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất: Điều 13.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Người sử dụng đất. • UBND xã, Sở TN&MT, UBND tỉnh.

Hồ sơ cần nộp	• Thỏa thuận về sử dụng đất ở cấp xã. • Kế hoạch tái định cư.
Trình tự thủ tục	1. Chủ đầu tư sẽ phải nộp hồ sơ (bao gồm thỏa thuận về sử dụng đất ở cấp xã) cho Sở TN&MT để thẩm định. 2. Căn cứ vào hồ sơ, Sở TN&MT nộp hồ sơ cho UBND tỉnh để phê duyệt. 3. Căn cứ vào hồ sơ đã được phê duyệt, chủ đầu tư thanh toán tiền sử dụng đất cho UBND tỉnh để trả cho người sử dụng đất. Trong trường hợp có tái định cư, UBND tỉnh sẽ bố trí đất cho người dân và giao đất sạch cho chủ đầu tư.
Thời gian dự kiến	Thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng được nêu rõ trong các quy định hiện hành. Tuy nhiên, trên thực tế, công tác giải phóng mặt bằng có thể mất nhiều thời gian, dẫn đến chi phí phát sinh ngoài dự kiến.
Chi phí	Không áp dụng

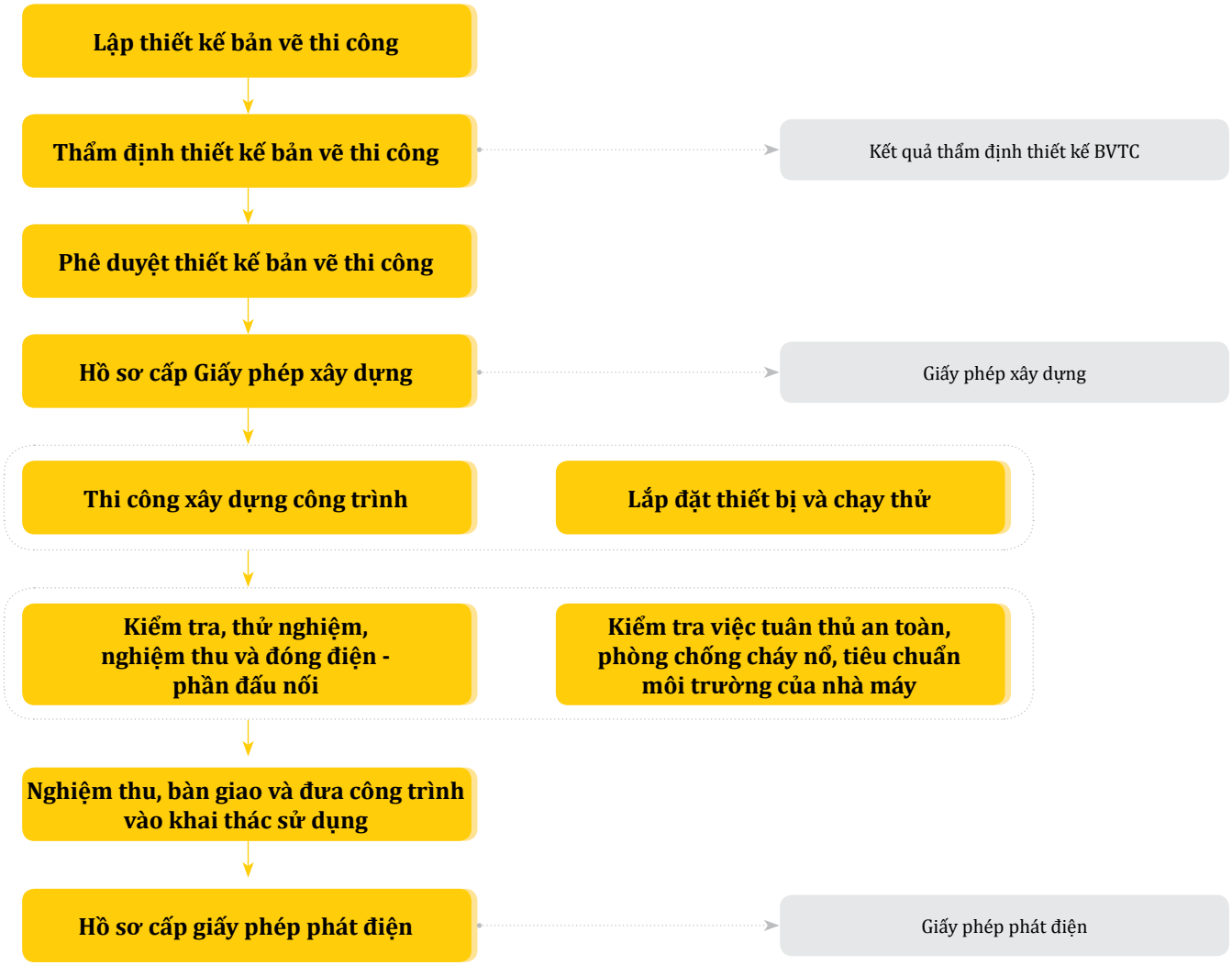
A.16	Khóa sổ tài chính
Mô tả	Việc khóa sổ tài chính có thể được thực hiện sau khi Chủ đầu tư và ngân hàng ký thỏa thuận vay vốn và toàn bộ các điều kiện pháp lý phải được thực hiện (ví dụ như có được các giấy phép cần thiết, v.v...). Việc khóa sổ tài chính cho phép Chủ đầu tư bắt đầu tiến hành việc xây dựng nhà máy năng lượng.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã ký HĐMBĐ
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Không áp dụng
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Các ngân hàng liên quan.
Hồ sơ cần nộp	Ngân hàng sẽ thông báo với chủ dự án những tài liệu cần thiết để hỗ trợ quá trình thương thảo.
Trình tự thủ tục	1. Ngân hàng/tổ chức tài chính sau khi đánh giá/ thẩm định hồ sơ vay vốn và đơn xin cấp tín dụng cho dự án sẽ thông báo việc phê duyệt/chấp thuận cho Chủ đầu tư. 2. Ngân hàng/Tổ chức tín dụng và Chủ đầu tư sẽ đàm phán và ký thỏa thuận tín dụng/vay vốn. Song song với thỏa thuận tín dụng/vay vốn, một thỏa thuận bảo lãnh vay vốn sẽ được ký kết.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Không áp dụng







4.2 GIAI ĐOẠN B: THỰC HIỆN DỰ ÁN





B.1	Lập thiết kế bản vẽ thi công
Mô tả	Thiết kế bản vẽ thi công là thiết kế thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng và chi tiết cấu tạo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng, bảo đảm đủ điều kiện để triển khai thi công xây dựng công trình. Thiết kế bản vẽ thi công phải phù hợp với nội dung, thông số chủ yếu của thiết kế kỹ thuật (với dự án có thiết kế 3 bước) hoặc Thiết kế cơ sở (với dự án có thiết kế 2 bước); Nhà thầu thi công xây dựng có đủ năng lực được phép thực hiện thiết kế bản vẽ thi công đối với trường hợp dự án có yêu cầu thiết kế 3 bước. Nội dung chủ yếu của thiết kế bản vẽ thi công bao gồm: 1. Phương án kiến trúc. 2. Phương án công nghệ (nếu có). 3. Công năng sử dụng. 4. Thời hạn sử dụng và quy trình vận hành, bảo trì công trình. 5. Phương án kết cấu, loại vật liệu chủ yếu. 6. Chỉ dẫn kỹ thuật. 7. Phương án phòng, chống cháy, nổ. 8. Phương án sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. 9. Giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. 10. Dự toán xây dựng phù hợp với bước thiết kế xây dựng.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã có quyết định đầu tư.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng.

Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư/Tư vấn
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Không áp dụng



B.1.1	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công
Mô tả	Cơ quan có thẩm quyền chủ trì thẩm định thiết kế bản vẽ thi công đối với các dự án có thiết kế 2 bước. Nội dung thẩm định thiết kế bản vẽ thi công bao gồm: 1. Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế cơ sở. 2. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình. 3. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình. 4. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận. 5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ. 6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ. 7. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; xác định giá trị dự toán công trình. 8. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng.
Điều kiện áp dụng	Đối với dự án có thiết kế 2 bước (bao gồm TKCS và TKBVTC)
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng. • Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2016.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Bộ CT: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công của dự án điện sinh khối cấp đặc biệt, cấp I (quy mô công suất > 30 MW). • Sở CT: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công của dự án điện sinh khối từ cấp II trở xuống (quy mô công suất ≤ 30 MW).

Hồ sơ cần nộp	Chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công tới cơ quan chuyên môn và Bộ CT (nếu quy mô công suất > 30MW) hoặc Sở CT (nếu quy mô công suất ≤ 30 MW) để thẩm định, gồm: 1. Tờ trình thẩm định thiết kế theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP. 2. Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan. 3. Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình. 4. Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có). 5. Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng.
Trình tự thủ tục	1. Sau khi nhận được hồ sơ, Bộ CT/Sở CT chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công. 2. Bộ CT/Sở CT có trách nhiệm tổ chức thẩm định các nội dung của thiết kế bản vẽ thi công. Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định từng phần thiết kế xây dựng, thiết kế công nghệ, dự toán xây dựng công trình để phục vụ công tác thẩm định của mình. 3. Trong quá trình thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, Bộ CT/Sở CT có trách nhiệm yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật.
Thời gian dự kiến	Thời gian thẩm định thiết kế bản vẽ thi công tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: • Không quá bốn mươi (40) ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt. • Không quá ba mươi (30) ngày đối với công trình cấp II và cấp III. • Không quá hai mươi (20) ngày đối với các công trình còn lại.
Chi phí	Không áp dụng

B.1.2	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công
Mô tả	Trên cơ sở kết quả thẩm định, Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công. Đây là cơ sở để nhà thầu thi công xây dựng triển khai xây dựng nhà máy điện. Nội dung phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công bao gồm: 1. Các thông tin chung về công trình: Tên công trình, hạng mục công trình (nêu rõ loại và cấp công trình); chủ đầu tư, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình; địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất. 2. Quy mô, công nghệ, các thông số kỹ thuật và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của công trình. 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng. 4. Các giải pháp thiết kế chính của hạng mục công trình và toàn bộ công trình. 5. Dự toán xây dựng công trình. 6. Những yêu cầu phải hoàn chỉnh bổ sung hồ sơ thiết kế và các nội dung khác (nếu có).
Điều kiện áp dụng	Đối với dự án có thiết kế 2 bước (bao gồm TKCS và TKBVTC)
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014. • Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng

Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Không áp dụng



B.2	Giấy phép xây dựng
Mô tả	Trước khi khởi công xây dựng công trình, Chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật Xây dựng. Nội dung chủ yếu của giấy phép xây dựng bao gồm: 1. Tên công trình thuộc dự án. 2. Tên và địa chỉ của chủ đầu tư. 3. Địa điểm, vị trí xây dựng công trình; tuyến xây dựng công trình đối với công trình theo tuyến. 4. Loại, cấp công trình xây dựng (được quy định tại Phụ lục 1, Nghị định 209/2004/NĐ-CP). 5. Cốt xây dựng công trình. 6. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng. 7. Mật độ xây dựng (nếu có). 8. Hệ số sử dụng đất (nếu có). 9. Các nội dung về tổng diện tích xây dựng, chiều cao tối đa toàn công trình.
Điều kiện áp dụng	Các Dự án điện sinh khối nối lưới: • Phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản. • Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thuỷ lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. • Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại điều 82 của Luật Xây dựng.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng. • Thông tư số 15/2016/TT-BXD của Bộ XD ngày 30/6/2016 hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng. • Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Sở Xây dựng, Bộ Xây dựng, UBND tỉnh.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng gồm: 1. Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư 15/2016/TT-BXD. 2. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. 3. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm: a) Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500. b) Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình. c) Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200. d) Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200. Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế kể trên là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định. 4. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.
Trình tự thủ tục	Tuân thủ theo điều 102 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, tóm lược như sau: 1. Chủ đầu tư nộp hai (02) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng tới Sở Xây dựng/UBND tỉnh. 2. Sở Xây dựng/UBND tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa. 3. Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, Sở Xây dựng/UBND tỉnh có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định tại Luật Xây dựng để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

	4. Trong thời gian mười hai (12) ngày các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; Sở Xây dựng/UBND tỉnh căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng;
Thời gian dự kiến	Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Sở Xây dựng/UBND tỉnh nhận được đủ hồ sơ hợp lệ
Chi phí	Không áp dụng



B.3	Thi công xây dựng công trình
Mô tả	Trong bước phụ này, Chủ đầu tư tiến hành công tác xây dựng dự án điện sinh khối dựa trên thiết kế bản vẽ thi công (bước B.1). Chủ đầu tư lựa chọn một hay nhiều đơn vị có năng lực thực hiện công tác xây dựng cho một hoặc nhiều hạng mục hoặc toàn bộ dự án. Trong giai đoạn này, Chủ đầu tư có thể thuê nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của dự án. Kết thúc bước phụ này, Chủ đầu tư tiến hành hoàn thiện các tài liệu hoàn công dự án sau khi tiến hành kiểm tra chạy thử.
Điều kiện áp dụng	Điều kiện khởi công xây dựng công trình nhà máy điện sinh khối nối lưới phải đảm bảo các yêu cầu sau: 1. Có mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ xây dựng. 2. Có giấy phép xây dựng. 3. Có thiết kế bản vẽ thi công của hạng mục công trình, công trình khởi công đã được phê duyệt và được chủ đầu tư kiểm tra, xác nhận trên bản vẽ. 4. Có hợp đồng thi công xây dựng được ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn. 5. Được bố trí đủ vốn theo tiến độ xây dựng công trình. 6. Có biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng. • Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/5/2015 về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. • Hồ sơ thầu. • Quy trình thực hiện của nhà thầu đã được Chủ đầu tư/Đơn vị tư vấn phê duyệt.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Nhà thầu xây lắp. • Chủ đầu tư.

Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Theo tiến độ quy định trong Hồ sơ thầu và đề xuất của nhà thầu thi công xây dựng.
Chi phí	Theo Hợp đồng thi công xây dựng.



B.4	Lắp đặt thiết bị và chạy thử
Mô tả	Trong bước này, Chủ đầu tư và nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt nhà máy tương ứng tiến hành công tác lắp đặt, kiểm tra và chạy thử toàn bộ hệ thống thiết bị. Kết thúc giai đoạn lắp đặt phải đảm bảo các cấu phần của nhà máy đáp ứng các tính năng và đặc tính kỹ thuật yêu cầu. Việc lắp đặt và thiết bị để thực hiện kiểm tra và chạy thử sẽ do Nhà thầu sản xuất/cung cấp thiết bị thực hiện theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn riêng của nhà sản xuất chế tạo thiết bị. Chủ đầu tư nên thuê một bên thứ 3 có năng lực và kinh nghiệm để giám sát quá trình lắp đặt thiết bị và thực hiện kiểm tra và chạy thử. Bên thứ 3 này hoạt động thay mặt Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư. Kết thúc bước này, nhà cung cấp thiết bị thực hiện kiểm tra và chạy thử cho toàn bộ hệ thống thiết bị của nhà máy trước khi đưa nhà máy vào vận hành thương mại.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã có Giấy phép xây dựng và đã hoàn thành việc thi công xây dựng
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng; • Nghị định 46/2015/NĐ-CP, của Chính phủ ngày 12/05/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng • Hồ sơ thầu; • Quy trình thực hiện của nhà thầu đã được Chủ đầu tư/Đơn vị tư vấn phê duyệt.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Nhà thầu cung cấp thiết bị. • Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Quy trình lắp đặt, chạy thử của nhà thầu trình Chủ đầu tư/đơn vị tư vấn phê duyệt

Trình tự thủ tục	1. Công tác lắp đặt và nghiệm thu được thực hiện theo các quy trình và yêu cầu kỹ thuật thể hiện trong Hợp đồng mua bán thiết bị, Hồ sơ mời thầu. Việc lắp đặt và nghiệm thu thiết bị có thể được thực hiện bởi các tổ chức có năng lực là đại diện cho Chủ đầu tư. 2. Sau khi đã lắp đặt và nghiệm thu thiết bị đầy đủ, công tác chạy thử hệ thống thiết bị của Dự án mới được thực hiện. Trước khi tiến hành chạy thử, Nhà thầu sản xuất/cung cấp thiết bị có nhiệm vụ phải đệ trình cho Chủ Đầu tư các quy trình thực hiện công tác chạy thử, thời gian thực hiện chạy thử và các vấn đề liên quan đến sự phối hợp giữa các bên để thực hiện công việc chạy thử này. 3. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra và phê duyệt các tài liệu do Nhà sản xuất/cung cấp thiết bị đệ trình để làm căn cứ thực hiện. Bên cạnh đó, Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các công tác chuẩn bị cho công tác chạy thử như cung cấp điện, nước, nhiên liệu chạy thử theo đề xuất của Nhà sản xuất/cung cấp thiết bị. 4. Nhà sản xuất/cung cấp thiết bị có trách nhiệm thực hiện chạy thử đối với hệ thống thiết bị của nhà máy hoặc có thể tiến hành thuê một (hoặc nhiều) đơn vị có đầy đủ năng lực thực hiện công tác chạy thử dưới sự giám sát của Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư. 5. Trong quá trình chạy thử, một số công việc quan trọng cần phải có sự chứng kiến của các đơn vị có chức năng kiểm định như: thủ áp lực đường ống; thử nghiệm thiết bị nâng; thử nghiệm hệ thống rơ le bảo vệ. 6. Kết thúc quá trình chạy thử thiết bị Dự án, Nhà sản xuất/cung cấp thiết bị phải có Báo cáo đánh giá tổng hợp và kết quả thực hiện thí nghiệm đệ trình cho Chủ đầu tư làm cơ sở cho các bước tiến hành tiếp theo trong quá trình thực hiện dự án.
Thời gian dự kiến	Theo tiến độ quy định trong Hồ sơ thầu và đề xuất của nhà thầu cung cấp thiết bị
Chi phí	Theo Hợp đồng gói thầu cung cấp thiết bị

B.5	Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện - Phần đấu nối
Mô tả	Trong bước này, Chủ đầu tư cần phải thuê một Cơ quan có chức năng tiến hành thí nghiệm, nghiệm thu hệ thống các thiết bị và hòa đồng bộ nhà máy vào vào Hệ thống điện Quốc gia. Để thực hiện được công việc này, toàn bộ thiết bị trong nhà máy của dự án phải được nghiệm thu lắp đặt và chạy thử hoàn toàn, sẵn sàng vận hành theo các thông số ở chế độ đầy tải. Đây là bước cuối cùng trong 3 bước Thoả thuận đấu nối (bao gồm: Bước 1- Thoả thuận phương án đấu nối; Bước 2- Thoả thuận TKKT đấu nối; Bước 3- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện). Kết thúc bước này, Chủ đầu tư tiến hành đưa nhà máy vào vận hành thương mại.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã hoàn thành việc thi công xây dựng, toàn bộ hệ thống, thiết bị của nhà máy đã được nghiệm thu lắp đặt và chạy thử hoàn toàn.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện truyền tải: » Thông tư số 25/2016/TT-BCT của Bộ CT ngày 30/11/2016 quy định hệ thống điện truyền tải » Thông tư số 42/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 01/12/2015 quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện » Quyết định số 1449/QĐ-EVNNPT của Tổng Cty truyền tải điện quốc gia ngày 17/6/2015 về việc ban hành quy định nội dung, trình tự thỏa thuận đấu nối nhà máy điện vào lưới điện truyền tải • Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện phân phối: » Thông tư số 39/2015/TT-BCT của Bộ CT ngày 18/11/2015 Quy định hệ thống điện phân phối
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Đơn vị truyền tải điện: Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện truyền tải. • Đơn vị phân phối điện: Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện phân phối.

Hồ sơ cần nộp	**1. Hồ sơ cho kiểm tra điều kiện đóng điện điểm đấu nối - Lưới điện truyền tải** Trước ngày dự kiến đóng điện điểm đấu nối, Chủ đầu tư phải cung cấp cho Đơn vị truyền tải điện một (01) bộ hồ sơ và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện một (01) bộ hồ sơ cho kiểm tra điều kiện đóng điện điểm đấu nối bao gồm: a. Hồ sơ cung cấp cho Đơn vị truyền tải điện: • Tài liệu thiết kế kỹ thuật được phê duyệt và sửa đổi, bổ sung so với thiết kế ban đầu (nếu có), bao gồm thuyết minh chung, sơ đồ nối điện chính, mặt bằng bố trí thiết bị điện, sơ đồ nguyên lý của hệ thống bảo vệ và điều khiển, các sơ đồ có liên quan khác và thông số kỹ thuật của thiết bị điện chính. • Tài liệu hướng dẫn vận hành và quản lý thiết bị của nhà chế tạo. • Các biên bản nghiệm thu từng phần và toàn phần các thiết bị đấu nối của nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp vào lưới điện truyền tải. • Dự kiến lịch chạy thử và vận hành. b. Hồ sơ cung cấp cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện: • Sơ đồ nối điện chính, sơ đồ nhất thứ một sợi phần điện, mặt bằng bố trí thiết bị điện; sơ đồ nguyên lý, thiết kế của hệ thống bảo vệ và điều khiển thể hiện rõ các máy cắt, biến dòng, biến điện áp, chống sét, dao cách ly, mạch logic thao tác đóng cắt liên động theo trạng thái máy cắt, các sơ đồ có liên quan khác và thông số kỹ thuật của thiết bị lắp đặt. • Các trị số chỉnh định rơ le bảo vệ từ điểm đấu nối về phía khách hàng. • Dự kiến lịch chạy thử, đóng điện và vận hành. **2. Hồ sơ cho kiểm tra điều kiện đóng điện điểm đấu nối - Lưới điện phân phối** Trước ngày dự kiến đóng điện điểm đấu nối, Chủ đầu tư phải cung cấp cho Đơn vị phân phối điện một (01) bộ hồ sơ và Cấp điều độ có quyền điều khiển một (01) bộ hồ sơ phục vụ kiểm tra tổng thể điều kiện đóng điện điểm đấu nối, bao gồm: a. Các biên bản nghiệm thu từng phần và toàn phần các thiết bị đấu nối của nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp vào lưới điện phân phối. b. Tài liệu thiết kế kỹ thuật được phê duyệt và sửa đổi, bổ sung (nếu có) so với thiết kế ban đầu, bao gồm các tài liệu sau: Thuyết minh chung, mặt bằng bố trí thiết bị điện; Sơ đồ nối điện chính, sơ đồ nhất thứ một sợi phần điện; Sơ đồ nguyên lý, thiết kế của hệ thống bảo vệ và điều khiển; Các sơ đồ có liên quan khác (nếu có).

	c. Các tài liệu về thông số kỹ thuật và quản lý vận hành bao gồm các tài liệu sau: • Thông số kỹ thuật của thiết bị lắp đặt bao gồm cả thông số của đường dây đấu nối; • Tài liệu kỹ thuật của hệ thống kích từ, điều tốc của tổ máy phát điện; • Tài liệu hướng dẫn chỉnh định rơ le bảo vệ và tự động, phần mềm chuyên dụng để giao tiếp và chỉnh định rơ le, các trị số chỉnh định rơ le bảo vệ từ điểm đấu nối về phía khách hàng; • Tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị của nhà chế tạo và các tài liệu kỹ thuật có liên quan khác. d. Dự kiến lịch chạy thử, đóng điện và vận hành.
Trình tự thủ tục	1. Thử nghiệm, nghiệm thu đấu nối được thực hiện trước khi đóng điện điểm đấu nối sau khi có giấy mời chính thức từ phía Chủ đầu tư. 2. EVNNPT uỷ quyền cho Đơn vị trực thuộc EVNNPT đang quản lý công trình lưới điện truyền tải/phân phối liên quan đến đấu nối thực hiện các công việc liên quan đến kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện. 3. Trình tự kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện vào lưới truyền tải tuân thủ theo Chương 5, Mục 3 của Thông tư 25/2016/TT-BCT. 4. Trình tự kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện vào lưới điện phân phối tuân thủ theo Chương 5, Mục 4 của Thông tư 39/2015/TT-BCT.
Thời gian dự kiến	• Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện truyền tải: Theo quy định tại Chương 5, Mục 3, Thông tư số 25/2016/TT-BCT. • Đối với dự án điện sinh khối đấu nối vào lưới điện phân phối: Theo quy định tại Chương 5: Đấu nối vào lưới điện phân phối, Mục 4, Thông tư 39/2015/TT-BCT.
Chi phí	Không áp dụng

B.6	Kiểm tra việc tuân thủ an toàn, phòng chống cháy nổ, tiêu chuẩn môi trường của Nhà máy
Mô tả	Trong bước này, Chủ đầu tư tiến hành công tác kiểm tra các hệ thống trong nhà máy có liên quan đến môi trường xung quanh như hệ thống thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy. Một số thử nghiệm như Hệ thống thải/môi trường, Hệ thống Phòng cháy chữa cháy đòi hỏi phải phải có sự chứng kiến của các đơn vị có chức năng kiểm định như Sở Tài nguyên Môi trường và Cục Phòng cháy chữa cháy (PCCC). Kết thúc bước phụ này, Chủ đầu tư hoàn thiện công tác nghiệm thu sẵn sàng đưa nhà máy vào vận hành thương mại.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng. • Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy & chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy & chữa cháy: Điều 17, khoản 2. • Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an về chi tiết việc thực hiện một số điều của nghị định số 79/2014/NĐ-CP: Điều 8. • Hồ sơ thầu. • Quy trình thực hiện của nhà thầu đã được Chủ đầu tư/Đơn vị tư vấn phê duyệt.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Cục PCCC - Bộ Công An. • Sở TN&MT.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ xin thử nghiệm các hệ thống đảm bảo theo tiêu chuẩn môi trường: 1. Báo cáo tóm tắt về Dự án và các số liệu đảm bảo liên quan đến môi trường. 2. Dự kiến Kế hoạch, quy trình và thời gian thực hiện các thí nghiệm liên quan đến môi trường. 3. Biên bản nghiệm thu lắp đặt tổng thể giữa Chủ đầu và Nhà thầu sản xuất/cung cấp thiết bị đối với các hạng mục liên quan đến môi trường như: Hệ thống xử lý nước; Hệ thống xử lý khói thải, khí thải; Hệ thống thải tro xỉ, chất thải rắn (nếu có)... 4. Các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến dự án.

	5. Hồ sơ xin thử nghiệm các hệ thống PCCC đảm bảo theo tiêu chuẩn PCCC. 6. Thiết kế chi tiết hệ thống PCCC của nhà máy. 7. Dự kiến Kế hoạch, quy trình và thời gian thực hiện các thí nghiệm liên quan đến môi trường. 8. Biên bản nghiệm thu lắp đặt tổng thể hệ thống PCCC giữa Chủ đầu tư và nhà thầu sản xuất/cung cấp thiết bị PCCC. 9. Các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến dự án.
Trình tự thủ tục	Đối với các thí nghiệm liên quan đến môi trường, Chủ đầu tư cần phải tiến hành các bước sau: 1. Công văn kèm theo phụ lục có liên quan gửi Sở TN&MT tỉnh đề nghị tham gia và tiến hành thí nghiệm các thông số liên quan đến môi trường. 2. Chủ đầu tư sẽ vận hành các hệ thống thiết bị dự án và đại diện Sở TN&MT tỉnh tiến hành thí nghiệm với các thiết bị liên quan đến môi trường như thí nghiệm với mẫu nước thải, mẫu chất thải rắn, đo nồng độ khói thải, khí thải, đo độ ồn theo tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. 3. Sau khi các thí nghiệm về môi trường thành công, Sở TN&MT tỉnh sẽ có văn bản xác nhận các thiết bị nhà máy đảm bảo các điều kiện về môi trường và đồng ý cho phép nhà máy được vận hành thương mại. Đối với các thí nghiệm liên quan đến hệ thống PCCC, Chủ đầu tư cần phải tiến hành các bước sau: 1. Công văn kèm theo phụ lục có liên quan gửi Cục PCCC - Bộ Công An đề nghị tiến hành phê duyệt hệ thống PCCC của dự án. 2. Cục PCCC sẽ tiến hành xem xét và phê duyệt thiết kế hệ thống PCCC của nhà máy. Sau khi có văn bản phê duyệt thiết kế, Cục PCCC sẽ cùng với Chủ đầu tư tiến hành các thí nghiệm với các thiết bị PCCC được lắp đặt trong Dự án theo các quy định của ngành. 3. Sau khi các thí nghiệm thành công, Cục PCCC sẽ ra văn bản phê duyệt đưa hệ thống PCCC của dự án vào vận hành.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Không áp dụng

B.7	Nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào khai thác sử dụng
Mô tả	Nhà máy điện sinh khối được đưa vào khai thác sử dụng sau khi đã xây dựng hoàn chỉnh theo thiết kế được duyệt và nghiệm thu đạt yêu cầu chất lượng. Việc nghiệm thu công trình xây dựng gồm: • Nghiệm thu (từng phần) công việc xây dựng trong quá trình thi công và nghiệm thu các giai đoạn chuyển bước thi công khi cần thiết. • Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào khai thác, sử dụng thương mại. Việc bàn giao công trình xây dựng phải tuân thủ các quy định sau: • Đã thực hiện nghiệm thu công trình xây dựng/ nhà máy điện theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng. • Bảo đảm an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng thương mại. Tùy theo điều kiện cụ thể của từng công trình, trong quá trình xây dựng có thể tiến hành bàn giao từng phần công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành thuộc dự án hoặc dự án thành phần để khai thác theo yêu cầu của chủ đầu tư. Biên bản nghiệm thu bàn giao từng phần công trình, hạng mục công trình, toàn bộ công trình hoàn thành là văn bản pháp lý để chủ đầu tư đưa công trình vào khai thác sử dụng và quyết toán chi phí cho công ty xây dựng.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã xây dựng hoàn chỉnh theo thiết kế được duyệt, vận hành đúng yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu đạt yêu cầu chất lượng
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014. • Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án xây dựng. • Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/05/2015 về Quản lý chất lượng công trình xây dựng. • Thông tư 10/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25/7/2013 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Nhà thầu, Chủ đầu tư. • Sở XD, Bộ XD, Sở CT, Bộ CT.

Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Không áp dụng



B.8	Giấy phép phát điện
Mô tả	Nhằm chính thức vận hành thương mại, Chủ đầu tư nhà máy năng lượng sinh khối cần phải có được giấy phép phát điện, sau khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, đã có Thỏa thuận đấu nối ký kết với bên quản lý lưới điện, đã có HĐMBĐ ký kết với bên mua điện, đã có đủ điều kiện đảm bảo cho nhà máy vận hành, đã chạy thử nghiệm thu (biên bản xác nhận). Giấy phép phát điện là một dạng của giấy phép hoạt động điện lực được cấp cho công ty để thực hiện hoạt động phát điện. Trong bước này, Chủ đầu tư sẽ tiến hành thủ tục nộp hồ sơ xin giấy phép phát điện tới cơ quan có thẩm quyền. Thời hạn của giấy phép phát điện: • Tối đa hai mươi (20) năm: đối với các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. • Tối đa mười (10) năm: Các nhà máy điện không thuộc danh mục các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã hoàn thành giai đoạn xây dựng, đã có Thỏa thuận đấu nối ký kết với bên quản lý lưới điện, đã có HĐMBĐ ký kết với bên mua điện, đã có đủ điều kiện đảm bảo cho nhà máy vận hành, đã chạy thử nghiệm thu (biên bản xác nhận).
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Điện lực. • Nghị định số 137/2013/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 21/10/2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực. • Thông tư số 10/2015/TT-BCT của Bộ CT ngày 29/5/2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực. • Thông tư số 124/2008/TT-BTC, ngày 19/12/2008 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực".

Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Bộ CT: đối với các nhà máy điện lớn, đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong danh mục Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. • Cục Điều tiết Điện lực: đối với các nhà máy điện có công suất đặt từ ba (03) MW trở lên nhưng không bao gồm các nhà máy điện do Bộ CT cấp giấy phép. • Sở CT tỉnh: đối với các nhà máy điện có công suất đặt dưới ba (03) MW.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phát điện 1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 10/2015/TT-BCT. 2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép. 3. Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện theo Mẫu 7b tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 10/2015/TT-BCT; Bản sao bằng tốt nghiệp và giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp cho người có tên trong danh sách theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ CT ban hành. 4. Bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư nhà máy điện của cấp có thẩm quyền. 5. Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền. 6. Bản sao HĐMBĐ. 7. Danh mục các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và cam kết của chủ đầu tư thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật trong việc sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. 8. Bản sao có chứng thực tài liệu về đảm bảo điều kiện phòng cháy, chữa cháy theo quy định. 9. Bản sao biên bản nghiệm thu hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông; biên bản nghiệm thu hoàn thiện kết nối tín hiệu với hệ thống SCADA/EMS, SCADA/DMS của cấp điều độ có quyền điều khiển phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo quy định. 10. Bản sao biên bản nghiệm thu cuối cùng hoặc văn bản xác nhận đảm bảo điều kiện vận hành thương mại cho từng tổ máy. 11. Bản sao Quy trình phối hợp vận hành nhà máy điện với Đơn vị Điều độ hệ thống điện.

Trình tự thủ tục	1. Chủ đầu tư nộp một (01) bộ hồ sơ cho cơ quan cấp giấy phép phát điện. Hồ sơ có thể gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc thực hiện trực tuyến qua trang thông tin điện tử của cơ quan cấp giấy phép phát điện (nếu có). 2. Cơ quan cấp giấy phép phát điện có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho Chủ đầu tư phải bổ sung, sửa đổi số liệu, thông tin liên quan nếu hồ sơ chưa hợp lệ. 3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép phát điện có trách nhiệm tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép phát điện. 4. Giấy phép phát điện được cấp gồm ba (03) bản chính: một (01) bản giao cho đơn vị được cấp giấy phép, hai (02) bản lưu tại cơ quan cấp giấy phép phát điện.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Theo Thông tư số 124/2008/TT-BTC, ngày 19 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực".



4.3 GIAI ĐOẠN C: VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG DỰ ÁN



C.1	Hướng dẫn tiêu chuẩn vận hành và bảo dưỡng cho nhà máy điện sinh khối
Mô tả	Trong bước phụ này, Chủ đầu tư sẽ xây dựng Sổ tay hướng dẫn quy trình vận hành và bảo dưỡng cho nhà máy năng lượng sinh khối. Sổ tay hướng dẫn này là sự kết hợp giữa các tài liệu vận hành và bảo dưỡng do nhà thầu cung cấp/sản xuất thiết bị cung cấp cùng với nhà cung cấp phụ và các quy định trong vận hành của nhà máy năng lượng sinh khối do các Chủ đầu tư lập ra. 1. Để thiết lập được Sổ tay hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho nhà máy năng lượng sinh khối, Chủ đầu tư phải phân chia toàn bộ các hệ thống thiết bị trong nhà máy thành các hệ thống chính và các hệ thống phụ trợ, có thể phân chia như sau: a) Hệ thống thiết bị chính như lò hơi và hệ thống sinh nhiệt và hệ thống hơi thấp và cao áp và hệ thống tuốc bin đối áp, trích hơi hoặc ngưng tụ, hệ thống phát điện, hệ thống điện. b) Hệ thống thiết bị phụ trợ như hệ thống nhiên liệu đầu vào, hệ thống nhiên liệu phụ, hệ thống cấp nước, hệ thống xử lý nước thải, khói thải, khí thải, tro và chất thải rắn, hệ thống phụ trợ và và các hệ thống phụ khác trong nhà máy. 2. Trong mỗi một hệ thống, Chủ đầu tư có thể phân chia thành các hệ thống nhỏ hơn như: động cơ, bơm, quạt, máy cắt, tuyến đường ống và van... để lập ra từng quy trình vận hành và bảo dưỡng cụ thể. 3. Trong mỗi quy trình vận hành phải nêu đầy đủ các nội dung chủ yếu sau: • Thông tin mô tả về đặc tính kỹ thuật của hệ thống hoặc thiết bị. • Tính năng và nhiệm vụ của hệ thống và thiết bị. • Các điều kiện đảm bảo khi vận hành như: thông số đầu vào, các điều kiện kỹ thuật... • Trình tự vận hành từng bước từ trạng thái tĩnh đến khi vận hành hoàn toàn. • Trình tự vận hành từng bước từ trạng thái vận hành về trạng thái tĩnh. • Các cảnh báo thường gặp và biện pháp xử lý. • Các sự cố xảy ra và biện pháp khắc phục. 4. Trong mỗi quy trình bảo dưỡng phải nêu đầy đủ các nội dung chủ yếu sau: • Thông tin mô tả về đặc tính kỹ thuật của hệ thống hoặc thiết bị. • Các điều kiện bảo quản hệ thống, thiết bị.

Mô tả	• Khuyến cáo và lịch bảo dưỡng, bảo trì. • Các nội dung và quy trình bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên. • Yêu cầu về phụ tùng thay thế và các đặc tính.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới vận hành thương mại
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ban hành ngày 18/06/2014 của Quốc hội, Điều 126. • Nghị định 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng: Điều 38, Điều 39. • Quyết định 08/QĐ-ĐTĐL của Cục ĐTĐL ngày 14/3/2013 về quy trình lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị điện trong hệ thống điện truyền tải.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Nhà cung cấp/sản xuất thiết bị • Chủ đầu tư
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Không áp dụng

C.2	Đào tạo và Nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành của nhà máy
Mô tả	Trong bước phụ này, Chủ đầu tư tiến hành công tác tuyển chọn, đào tạo và nâng cao năng lực cho nhân viên vận hành và kỹ thuật viên nhằm đảm bảo khả năng tiếp nhận, vận hành an toàn và tin cậy đối với nhà máy điện sinh khối. Hoạt động này có thể thực hiện bắt đầu từ thời điểm chuẩn bị khởi công xây dựng dự án (Bước phụ B.3). • Đối với các thiết bị chính trong nhà máy, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu các Nhà thầu sản xuất/cung cấp thiết bị cho dự án thiết lập các khóa đào tạo cho nhân viên của Chủ đầu tư tại chính các cơ sở của nhà sản xuất. • Đối với các thiết bị phụ trợ trong nhà máy, tùy theo quy mô và nhu cầu mà Chủ đầu tư có thể sẽ yêu cầu các Nhà thầu sản xuất/cung cấp thiết bị thiết lập các khóa đào tạo hoặc có thể ký hợp đồng với các tổ chức trong nước thực hiện các khóa đào tạo tương ứng cho nhân viên của mình. Bên cạnh đó, với mục tiêu nâng cao năng lực cho các nhân viên và kỹ thuật viên vận hành, ngay trong giai đoạn xây dựng Chủ đầu tư có thể tiến hành xây dựng các khóa đào tạo trên công trường, tham gia theo dõi trực tiếp toàn bộ công tác thi công dự án để từ đó các nhân viên và kỹ thuật viên vận hành có thể bám sát, nắm bắt được công nghệ, thiết bị, các quy trình vận hành liên quan đến toàn bộ hệ thống thiết bị của nhà máy. Chủ đầu tư cần phải lên kế hoạch cho các biện pháp tăng cường năng lực và đào tạo. Hoạt động này sẽ rất quan trọng trong trường hợp dân cư địa phương trực tiếp vận hành nhà máy. Việc nâng cao năng lực có thể được thực hiện ngay cả trước đưa nhà máy vào vận hành. Việc nâng cao năng lực cần được thực hiện thêm một lần nữa sau khi nhà máy đã đi vào hoạt động sau một khoảng thời gian nhất định. Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với một tổ chức đào tạo chuyên nghiệp thiết kế và triển khai hoạt động nâng cao năng lực theo nhu cầu thực tế.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới vận hành thương mại
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Không áp dụng

Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Nhà cung cấp/sản xuất thiết bị • Chủ đầu tư
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Không áp dụng
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Không áp dụng



C.3	Kiểm tra việc kiểm soát và thực hiện
Mô tả	Trong bước này, Chủ đầu tư xây dựng một quy trình giám sát và kiểm soát hiệu quả vận hành của nhà máy nhằm đảm bảo việc vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả nhất trong quá trình vận hành thương mại. Chủ đầu tư phải giám sát chặt chẽ toàn bộ việc vận hành của nhà máy. Ví dụ, mức phát thải phải được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo tuân thủ theo pháp luật và các quy định của Việt Nam. Vật liệu còn sót lại trong chất thải của quá trình vận hành nhà máy như xỉ, tro bay... phải được xử lý đúng cách. Hiệu suất vận hành cần được kiểm tra thường xuyên. Ngoài các hoạt động của nhà máy, công tác giữ gìn môi trường làm việc cũng là một khía cạnh quan trọng. Chủ đầu tư phải đảm bảo các tiêu chuẩn cao về sức khỏe và an toàn cho người lao động cũng như trong các vấn đề đối với môi trường.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới vận hành thương mại
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Không áp dụng
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Nhà cung cấp/sản xuất thiết bị • Chủ đầu tư
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	1. Kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào cả về khối lượng và chất lượng vì đây là yếu tố quan trọng quyết định chế độ vận hành của nhà máy. • Luôn kiểm soát chặt chẽ khối lượng nguyên liệu cho vận hành của nhà máy. Ngoài việc trong nhà máy có kho dự trữ chứa nguyên liệu phục vụ cho vận hành của nhà máy, Chủ đầu tư sẽ phải lập kế hoạch cung cấp đối với các nhà cung cấp nguyên liệu theo kế hoạch hàng năm để đảm bảo nguồn nguyên liệu cho nhà máy.

	• Kiểm soát chặt chẽ chất lượng của nguồn nguyên liệu đảm bảo đúng theo đặc tính kỹ thuật. Chủ đầu tư sẽ có các phòng thí nghiệm trong nhà máy thực hiện liên tục công tác kiểm tra chất lượng nguyên liệu đầu, tập hợp các số liệu định kỳ để làm cơ sở theo dõi vận hành của nhà máy. • Độ ẩm của nguồn nguyên liệu cho nhà máy điện sinh khối phải được kiểm tra chặt chẽ với nhà cung cấp để đảm bảo nhiệt trị tương ứng với phần thanh toán cho nhà cung cấp nguyên liệu. 2. Kiểm soát các nguồn nguyên liệu phụ (nếu có) như dầu, than, đá vôi... Lập kế hoạch mua bán, kiểm soát chất lượng của các nguồn nguyên liệu này. 3. Kiểm soát nguồn nước cấp và nguồn nước thải ra môi trường. Chủ đầu tư tiến hành thí nghiệm, thống kê nhằm kiểm soát chất lượng theo yêu cầu vận hành của nhà máy và môi trường, ghi nhận và xử lý các biến cố xảy ra trong quá trình vận hành. 4. Thông qua hệ thống đo lường và điều khiển trong nhà máy, Chủ đầu tư sẽ ghi lại toàn bộ các thông số vận hành như: nhiệt độ, áp suất, lưu lượng, chất lượng điện năng... để có lập thành cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác vận hành của nhà máy đảm bảo các tính năng, thông số kỹ thuật và biện pháp khắc phục các sự cố xảy ra trong nhà máy.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Không áp dụng



4.4 GIAI ĐOẠN D: KẾT THÚC DỰ ÁN VÀ PHÁ DỠ

D.1	Kết thúc dự án và phá dỡ
Mô tả	Sau khi kết thúc giai đoạn vận hành dự án, nhà máy điện sẽ được nâng cấp, sửa chữa hoặc dừng khai thác sử dụng. Trong trường hợp dừng khai thác sử dụng, địa điểm dự án sẽ phải được khôi phục nguyên trạng sử dụng đất. Dừng khai thác sử dụng có nghĩa là hệ thống các thiết bị chính, văn phòng và bất cứ hạng mục công trình nào khác trên mặt đất cũng đều được di dời, đường giao thông và nền móng được lấp và sửa lại để trả lại mặt bằng nguyên trạng. Tùy theo quy hoạch sử dụng đất ở khu vực dự án, một số hạng mục còn công năng sử dụng như đường dây điện và các công trình điện thông thường khác có thể được để lại,5 nếu không thì các hạng mục này sẽ phải tháo dỡ.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới hết thời hạn vận hành thương mại
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Nghị định 46/2015/NĐ-CP, của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, Điều 45.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư

Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng
Trình tự thủ tục	Chủ đầu tư sẽ phải lập kế hoạch đầy đủ về dừng khai thác sử dụng và phục hồi nguyên trạng, trong đó trình bày tất cả các nội dung chính của quá trình dừng khai thác sử dụng. Khi nhà máy hết thời hạn sử dụng, chủ nhà máy phải thực hiện các công việc sau: 1. Tổ chức kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình. 2. Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định chất lượng và kết quả đánh giá cho UBND tỉnh. 3. Tổ chức tháo dỡ và nếu cần thiết gỡ bỏ các loại cáp điện, nền, đường giao thông và đệm cần cẩu. 4. Vận chuyển và tái chế chất thải/phế thải. 5. Phục hồi nguyên trạng (tạo cảnh quan và trồng cây).
Thời gian dự kiến	Không áp dụng
Chi phí	Không áp dụng





5. Phụ lục

5.1 BIỂU MẪU

MẪU TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, THIẾT KẾ CƠ SỞ CÔNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....
(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án: .....
2. Nhóm dự án: .....
3. Loại và cấp công trình: .....
4. Người quyết định đầu tư: .....
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,.....):.....
6. Địa điểm xây dựng: .....
7. Giá trị tổng mức đầu tư: .....
8. Nguồn vốn đầu tư: .....
9. Thời gian thực hiện: .....
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: .....
12. Các thông tin khác (nếu có): .....

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……..

……., ngày ….. tháng ….. năm …….

TỜ TRÌNH
Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....
(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình:

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: .....
2. Loại, cấp, quy mô công trình: .....
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,.....): .....
4. Địa điểm xây dựng: .....
5. Giá trị dự toán xây dựng công trình: .....
6. Nguồn vốn đầu tư: .....
7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng: .....
8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....
9. Các thông tin khác có liên quan: .....

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình…. với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ ĐẤU NỐI
CHO CÁC KHÁCH HÀNG CÓ NHU CẦU ĐẤU NỐI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2010/TT-BCT
ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

Thông tin đăng ký đấu nối áp dụng cho các điểm đấu nối mới hoặc sửa đổi tại các điểm đấu nối cũ, bao gồm:

Họ và tên khách hàng có nhu cầu đấu nối:

Chức danh:

Tên đơn vị công tác:

Có trụ sở đăng ký tại:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

1. Mô tả dự án:

a) Tên dự án;

b) Lĩnh vực hoạt động/loại hình sản xuất;

c) Sản lượng dự kiến/Năng lực sản xuất;

d) Ngày dự kiến bắt đầu khởi công xây dựng;

đ) Ngày dự kiến đưa vào vận hành;

e) Điểm đấu nối hiện tại (nếu có);

g) Điểm đấu nối đề nghị;

h) Cấp điện áp và số mạch đường dây đấu nối đề xuất;

i) Ngày dự kiến đóng điện điểm đấu nối.

2. Bản đồ, sơ đồ và kế hoạch

a) Bản đồ địa lý tỷ lệ 1:50000 có đánh dấu vị trí của khách hàng có nhu cầu đấu nối, phần lưới điện truyền tải liên quan của Đơn vị truyền tải điện và vị trí điểm đấu nối;

b) Sơ đồ bố trí mặt bằng tỷ lệ 1:200 hoặc 1:500 mô tả vị trí các tổ máy phát, máy biến áp, các toà nhà, vị trí đấu nối;

c) Cung cấp kế hoạch xây dựng các công trình đề xuất cho các vùng bao quanh trạm biến áp, Đơn vị phát điện, tổ máy phát điện, công trình xây dựng, điểm đấu nối với tỷ lệ 1:200 hoặc 1:500.

3. Hồ sơ pháp lý

Các tài liệu về tư cách pháp nhân (bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Quyết định đầu tư, Quyết định thành lập doanh nghiệp, Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy phép hoạt động điện lực và các giấy phép khác theo quy định của pháp luật).

MẪU THỎA THUẬN ĐẤU NỐI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BCT
ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công Thương Quy định hệ thống điện phân phối)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN ĐẤU NỐI

Giữa (Đơn Vị Phân Phối Điện) và.....(Tên Khách Hàng Đề Nghị Đấu Nối)

Số: ……..

- Căn cứ Thông tư số ……/……../TT-BCT ngày ……tháng……năm……của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối;
- Căn cứ đơn đề nghị đấu nối ngày … tháng … năm ….. của [tên khách hàng đề nghị đấu nối] gửi [Đơn vị phân phối điện];
- Căn cứ hồ sơ đề nghị đấu nối của [tên khách hàng đề nghị đấu] gửi [Đơn vị phân phối điện] ngày … tháng … năm …. ;
- Căn cứ vào các biên bản làm việc và thỏa thuận sơ bộ phương án đấu nối ….;
- Căn cứ vào yêu cầu và khả năng cung cấp dịch vụ phân phối điện,

Hôm nay, ngày ……tháng……năm……tại……., chúng tôi gồm:

Bên A: [Đơn vị phân phối điện]

Đại diện là: ……

Chức vụ: ……

Địa chỉ: ……

Điện thoại: ……; Fax: ……

Tài khoản số: ……

Mã số thuế: ……

Bên B: [Tên khách hàng đề nghị đấu nối]

Đại diện là: ……

Chức vụ: ……

Địa chỉ: ……

Điện thoại: ……; Fax: ……

Tài khoản số: ……

Mã số thuế: ……

Hai bên đồng ý ký kết Thỏa thuận đấu nối với các nội dung sau:

Điều 1. *[Tên Đơn vị phân phối điện]* thống nhất phương án đấu nối nhà máy điện *[Tên nhà máy] của [tên khách hàng đề nghị đấu nối]* vào lưới điện phân phối, cụ thể như sau:

1. Quy mô công trình

a) Điểm đầu: .....

b) Điểm cuối: .....

c) Đường dây:

- Cấp điện áp đấu nối: .....
- Dây dẫn: .....
- Số mạch: .....
- Chiều dài tuyến: .....
- Kết cấu: .....
- Chế độ vận hành: .....

đ) Trạm biến áp :

- Kiểu trạm:
- Công suất trạm:

2. Đo đếm điện năng

.....

(Tuân thủ Quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện do Bộ Công thương ban hành)

3. Ranh giới đầu tư

.....

4. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật

5. Các hồ sơ kèm theo

- Tài liệu đính kèm số 1: .....
- Tài liệu đính kèm số 2: .....

- Tài liệu đính kèm số 3: .....
- Tài liệu đính kèm số 4: .....
- Tài liệu đính kèm số 5: .....

(Các tài liệu đính kèm là một phần của Thỏa thuận đấu nối, hai bên đàm phán và thống nhất chi tiết cách thức và thời gian cung cấp các hồ sơ kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của Bên A

[Tên Đơn vị phân phối điện] có trách nhiệm đầu tư xây dựng lưới điện phân phối để kết nối với lưới điện của *[tên khách hàng có nhu cầu đấu nối]* theo đúng ranh giới đầu tư xây dựng quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thỏa thuận đấu nối này.

2. Trách nhiệm của Bên B

a) *[Tên Khách hàng có đề nghị đấu nối]* có trách nhiệm đầu tư xây dựng lưới điện phân phối của mình để kết nối với lưới điện của *[tên Đơn vị phân phối điện]* theo đúng ranh giới đầu tư xây dựng quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thỏa thuận đấu nối này.

b) *[Tên khách hàng đề nghị đấu nối]* cam kết quản lý, vận hành hệ thống điện/nhà máy điện của mình tuân thủ Thông tư số .../...../TT-BCT ngày...tháng...năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối và các quy định khác có liên quan.

.....

Điều 3. Ngày đấu nối

Ngày đóng điện dự kiến là .....(ngày, tháng, năm).

Điều 4. Chi phí kiểm tra và thí nghiệm bổ sung

Chi phí kiểm tra và thí nghiệm bổ sung trong trường hợp quy định tại khoản....Điều ...Thông tư số .../.../TT-BCT ngày...tháng...năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối được hai bên thống nhất như sau:

1. .....

2. .....

Điều 5. Các thỏa thuận khác

1. Trong quá trình vận hành, khi có sự thay đổi hay sửa chữa liên quan tới điểm đấu nối hoặc thiết bị đấu nối, bên có thay đổi phải thông báo bằng văn bản và gửi các tài liệu kỹ thuật liên quan tới bên kia; soạn thảo Phụ lục Thỏa thuận đấu nối để cả hai bên ký làm tài liệu kèm theo Thoả thuận đấu nối này.

2. .....

3. .....

Điều 6. Tách đấu nối

1. Bên B có quyền đề nghị tách đấu nối tự nguyện trong các trường hợp cụ thể quy định tại Tài liệu đính kèm số 5 và phải tuân thủ các quy định có liên quan tại Quy định hệ thống điện phân phối do Bộ Công Thương ban hành.

2. Bên A có quyền tách đấu nối bắt buộc trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 6 Điều 53 Thông tư số .../2015/TT-BCT ngày tháng năm 2015 do Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối.

3. Các trường hợp khác: ... (do hai bên thỏa thuận)

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thỏa thuận đấu nối này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thời hạn có hiệu lực của Thỏa thuận đấu nối:

3. Thỏa thuận đấu nối này được làm thành 05 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản và 01 bản gửi tới cấp điều độ có quyền điều khiển./.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
(Tên, chức danh)	*(Tên, chức danh)*

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …….. V/v thẩm định báo cáo ĐTM của dự án (2)	(Địa danh),……., ngày ….. tháng ….. năm …..

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), thuộc mục số ... Phụ lục II (hoặc thuộc mục số ... Phụ lục III) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Dự án đầu tư do ..... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện dự án: .....;
- Địa chỉ liên hệ: .....;
- Điện thoại: Fax:.....; E-mail: .....

Chúng tôi gửi đến quý (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.
- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Nơi nhận: - Như trên; - ..... - Lưu.....	(4) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)*

** Ghi chú: (1) chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày ….. tháng ….. năm …….

ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức đề nghị:……
Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):……
Có trụ sở giao dịch chính tại: ……. Điện thoại: ……. Fax: ……. ...
Thành lập theo giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ……. ngày ..... tháng ..... năm .....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do.....cấp, mã số doanh nghiệp ……., đăng ký lần…… ngày ..... tháng ..... năm .....
Giấy phép hoạt động điện lực số: …… do ……. cấp ngày ……. (nếu có).
Ngành nghề kinh doanh hiện tại:……
Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho những lĩnh vực và phạm vi hoạt động sau đây:
-……
-……
Các giấy tờ kèm theo:
-……
-……
Đề nghị (2)……., cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ……. *(tên tổ chức đề nghị).*
(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO
(Ký tên, đóng dấu)

** Ghi chú: (1) Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương. (2) Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.*

5.2 DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN

Văn bản pháp luật liên quan đến hệ thống điện

- Luật Điện lực 2004 số 28/2004/QH11 ngày 14 tháng 12, 2004
- Luật Điện lực sửa đổi 2012 số 24/2012/QH13 ngày 20 tháng 11, 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực
- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10, 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực
- Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3, 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030
- Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12, 2013 của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực
- Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11, 2016 của Bộ Công Thương về quy định hệ thống điện truyền tải
- Quy định số 1449/QĐ-EVNNPT ngày 17 tháng 6, 2015 của EVN về nội dung, trình tự thỏa thuận đấu nối nhà máy điện vào lưới truyền tải điện
- Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11, 2015 của Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối
- Quyết định số 1232/QĐ-EVN ngày 21/2/2011 quy định về quản lý hệ thống đo đếm tại điểm ranh giới đo đếm.
- Thông tư số 42/2015/TT-BCT ngày 1 tháng 12, 2015 của Bộ Công Thương về quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện
- Quyết định số 246/QĐ-EVN ngày 26 tháng 4, 2014 của EVN về quy chế đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán điện các dự án điện

Văn bản pháp luật liên quan đến sinh khối

- Quyết định 24/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3, 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam
- Thông tư số 44/2015/TT-BCT ngày 09 tháng 12, 2015 của Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án, biểu giá chi phí tránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối
- Biểu giá chi phí tránh được áp dụng cho các dự án điện sinh khối do Bộ Công Thương ban hành hàng năm: Quyết định số 942/QĐ-BCT ngày 11 tháng 3, 2016 của Bộ Công Thương ban hành biểu giá chi phí tránh được áp dụng cho các dự án điện sinh khối năm 2016

Văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư

- Luật Đầu tư 2014 số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11, 2014
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11, 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11, 2014
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9, 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10, 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp
- Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23 tháng 10, 2012 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp
- Thông tư số 106/2013/TT-BTC ngày 09 tháng 08, 2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 176/2012/TT-BTC

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11, 2013
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 6, 2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
- Thông tư 218/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình sử dụng nguồn vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài

Văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng, môi trường

- Luật Xây dựng 2014 số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6, 2014
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6, 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng
- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2016
- Luật Đất đai 2013 số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11, 2013
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5, 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13
- Nghị định 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ : Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng
- Luật Phòng cháy chữa cháy 2001 số 27/2001/QH10 ngày 20 tháng 6, 2001
- Luật Phòng cháy chữa cháy sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật số 40/2013/QH13
- Luật Bảo vệ Môi trường 2014 số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6, 2014
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5, 2014 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7, 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy
- Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16 tháng 12, 2014 của Bộ Công an về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP
- Thông tư số 150/2014/TT-BCT ngày 10 tháng 10, 2014 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5, 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường
- Thông tư số 218/2010/TT-BTC ngày 29 tháng 12, 2010 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5, 2014 của Chính phủ về quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6, 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất
- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 12, 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng chi phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng
- Thông tư số 15/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 30 tháng 6, 2016 Hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng

Văn bản pháp luật liên quan đến vận hành nhà máy

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5, 2012 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng
- Thông tư số 10/2015/TT-BCT ngày 29 tháng 5, 2015 của Bộ Công Thương về quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực
- Thông tư số 124/2008/TT-BTC, ngày 19 tháng 12, 2008 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực"

5.3 DANH SÁCH LIÊN HỆ

Tên cơ quan	Địa chỉ liên lạc	Webpage
Bộ Công Thương	54-56 Hai Bà Trưng, Hà Nội **Điện thoại:** (84-4) 22 202 222	*http://www.moit.gov.vn*
Bộ Kế hoạch và Đầu tư	6B Hoàng Diệu, Hà Nội **Điện thoại:** (84-4) 38 455 298	*http://www.mpi.gov.vn*
Bộ Xây dựng	37 Lê Đại Hành - Hà Nội. **Điện thoại:** (84-4) 3821 5137	*http://www.moc.gov.vn*
Bộ Tài nguyên và Môi trường (MoNRE)	10 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội **Điện thoại:** (84-4) 3795 6868	*http://www.monre.gov.vn*
Tổng cục Năng lượng	23 Ngô Quyền, Hà Nội **Điện thoại:** (84-4)62 786 184	*http://www.tcnl.gov.vn*
Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam (ERAV)	D10 Khuất Duy Tiến, Hà Nội **Điện thoại:** (84-4) 22 147 474	*http://www.erav.vn*
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	11 Cửa Bắc, Hà Nội **Điện thoại:** (84-4) 66946720	*http://www.evn.com.vn*

Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia (NPT)	18 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội **Điện thoại:** (84-4) 22 204 444	*http://www.npt.evn.vn*
Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia (NLDC) **Các đơn vị:** - Phòng Phân tích và Kế hoạch Hệ thống Điện - Phòng Điều hành Thị trường Điện - Phòng Điều độ	Tầng 11, Tòa nhà EVN, 11 Cửa Bắc, Hà Nội **Điện thoại:** (84-4) 39 276 180	*http://www.nldc.evn.vn*
Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện miền Bắc (NRLDC) **Các phòng ban:** - Phòng Kế hoạch - Phòng Điều độ	Tầng 7 tòa nhà EVN, 11 Cửa Bắc, Hà Nội **Điện thoại:** (84-4) 3927 6151	*http://www.nrldc.evn.vn*
Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện miền Trung (CRLDC)	80 đường Duy Tân, q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng **Điện thoại:** (84-5) 11363 0331	*http://www.crldc.evn.vn*
Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện miền Nam (SRLDC)	5 Sư Thiện Chiếu, q.3, Tp. HCM **Điện thoại:** (84-8) 2221 0207	*http://www.srldc.evn.vn*
Công ty Mua Bán Điện (EPTC)	Tầng 12, tòa nhà EVN, 11 Cửa Bắc, Hà Nội **Điện thoại:** (84-4) 22 218 219	*http://www.eptc.vn*
Cục phòng cháy chữa cháy	2A phố Đinh Lễ, quận Hoàn Kiếm,Hà Nội **Điện thoại:** 06923 - 40159	*http://canhsatpccc.gov.vn/*







Chương trình Hỗ trợ Năng lượng Bộ CT/GIZ

—

Phòng P042A, Tầng 4, Tòa nhà Coco,
14 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam

T +84 (0)4 3941 2605
F +84 (0)4 3941 2606

E office.energy@giz.de
W www.giz.de | www.gizenergy.org.vn